

“ỦY BAN CHỖNG KHOẢN NHAI NỖC CHỖ PHEP NIEM YEAT CHỖNG KHOẢN CHẾ COI
NGHÓA LAI VIỆC NIEM YEAT CHỖNG KHOẢN NAI NAI P ỜNG CẶC QUY NỖNH CỬA PHAI P
LUAT MAI KHOẶNG HAI M YI NAI M BAI Đ GIAI TRỖ CỬA CHỖNG KHOẢN. MỖI TUYEIN BỎI TRAI
VỖI NIEU NAY LAI BAI T HỖI P PHAI P”

BAI N CAI BAI CH

COẶNG TY COI PHAI N NAI LYU LIEN HIEP VAN CHUYEIN (GEMADEPT)

*(Thanh lap nam 1993 theo Quyet dinh so 1489 QN/TCCB – LN do Bo tro ong Bo Giao thong
van tai cap ngay 24 thang 7 nam 1993)*

NAI NG KYU LAI COI PHIEU NAI NIEM YEAT

*(Giai phep phai hanh so /GPPH do Chui tich Uy ban Chỡng khoan Nhai nỡc
cap ngay thang nam 2002)*

Bai cai bach nay se nỡc cung cap tai:

1. Văn phòng Công ty Cổ phần Nại Ly Liên Hiệp Văn Chuyên (Gemadept)
 - q 35 Nguyễn Huệ tầng 15 Harbour View Tower, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
 - q 211 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Gemadept tại Hải Nội
 - q 108 Lôi Núi, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hải Nội
3. Công ty Cổ phần Chỡng khoản Sài Gòn (SSI)
 - q Lầu 1, 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Phui trach công bố thong tin:

Hoi ten: Nguyễn Minh Nguyệt

Nien thoai: (84.8) 9140 133

CÔNG TY CỔ PHẦN
NĂI LYU LIEN HIỆP VẠN CHUYỀN
(GEMADEPT)

*(Thành lập năm 1993 theo quyết định số 1489/QĐ/TCCB – Lũ do Bộtrũng Bộ Giao thông
vận tải cấp ngày 24 tháng 7 năm 1993)*

NĂNG KỸ LẠI CỔ PHIẾU NỀ NIỆM YẾT

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty GEMADEPT

Mệnh giá : 10.000 VNĐ

Tổng số lũng niêm yết : 17.178.455 cổ phiếu (mũi bảy triệu, một trăm bảy mũi
tăm ngàn, bốn trăm năm mũi lăm)

Tổng giá trị niêm yết : 171.784.550.000 VNĐ (một trăm bảy mũi một tỷ bảy
trăm tám mũi bốn triệu, năm trăm năm mũi ngàn)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- ✓ Công ty Kiểm toán và Tũ vãn (A&C)

Nũ chũ: 229 Nũng Khũi, Quận 1, Tp Hũi Chũ Minh

Nũn thoũ: (84.8) 8272 295 – 8272 296 Fax: (84.8) 8272 298 – 8272 300

Email: a&c@hcm.vn.vn

TỔ CHỨC Tũ VẠN

- ✓ Công ty Cổ phần Chũng khoũ Sai Gon (SSI)

Nũ chũ: Lũu 1, 12 Nam Kỳũ Khũi Nghũa, Quận 1, Tp Hũi Chũ Minh

Nũn thoũ: (84.8) 8218 567 Fax: (84.8) 8294 123

E-mail: ssi@saigonsecurities.com Website: www.saigonsecurities.com

MUC LUC

I.	NHONG NGUOI CHOU TRACH NHIEM CHINH NOI VOI NOI DUNG BAN CAID BAICH	1
1.	Toi chuc phat hanh	1
2.	Toi chuc to van	1
II.	TOM TAT VE TOI CHUC PHAT HANH VA CHONG KHOAN NANG KY LUAI	2
1.	Gioi thieu ve toi chuc phat hanh	2
2.	Thu troong	3
3.	Chien luec kinh doanh	5
4.	Ket qua hoat dong kinh doanh trong 2 nam gan nhai	5
5.	Chong khoan nang ky luai	5
III.	CAIC NHAN TOI RUI RO ANH HONG NEN GIAI CAI CHONG KHOAN PHAT HANH	6
1.	Rui ro ve kinh te	6
2.	Rui ro kinh doanh	6
3.	Rui ro ve ty giai	7
4.	Rui ro ve luat phap	7
5.	Rui ro khac	8
IV.	CAIC KHAI NIEM	9
V.	CHONG KHOAN NANG KY LUAI	14
1.	Loai chong khoan	14
2.	Meinh giai	14
3.	Tong so chong khoan niem yet	14
4.	Tang von nhieu lei vai tach coi phieu	14
5.	Giai niem yet doi kien	15
6.	Phong phap tinh giai	15
7.	Gioi han ve ty lei nam gioi noi voi ngoi noid ngoai	15
8.	Caic loai thue coi lien quan	15
VI.	CAIC NOI TAIC LIEN QUAN TOI NOI PHAT HANH	17
1.	Toi chuc kiem toan	17
2.	Toi chuc to van	17
VII.	TINH HINH VA NAI NIEM CUA TOI CHUC PHAT HANH	18
1.	Tom tat qua trinh hinh thanh va phat trien	18
2.	Co cau toi chuc Cong ty	19
3.	Co cau boi may quan ly cua Cong ty	21
3.1.	Nhom quan ly vai nhieu hanh	22
3.2.	Nhom tac nghiep	23

4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	25
5.	Hoạt động kinh doanh	25
5.1.	Thò phần vai trò thi cainh tranh	25
5.2.	Giai trò dích vui qua các năm	27
5.3.	Chung loại vai chait lóing dích vui	27
5.4.	Chi phí sản xuất	27
5.5.	Hoạt động marketing	27
5.6.	Tình hình kiểm tra chất lóing dích vui	29
5.7.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	29
5.8.	Biểu tóing (lợi gó) của Công ty	29
5.9.	Các hợp đồng lớn nâng thóic hiệi hoac ñai ñóic ky i ket	30
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	31
7.	Vai thê của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
8.	Chính sách ñóit với ngóoi lao ñóing	32
9.	Chính sách còit tóic	33
10.	Tình hình hoạt ñóing tài chính	33
11.	Danh sách HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám ñóic và ñóing ñai ñóic hành	35
12.	Tài sản	42
12.1.	Máy móc, thi et bô	42
12.2.	Kho bãi	42
12.3.	Mỏit số tài sản khác	42
13.	Ket hoach lóit nhuain và còit tóic trong 3 năm tóit	43
14.	Ket hoach sản xuất kinh doanh ngắn và ñai hain của Công ty	43
14.1.	Ket hoach sản xuất kinh doanh ngắn hain	43
14.2.	Ket hoach sản xuất kinh doanh ñai hain	44
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tóit Công ty mà còit thê ảnh hóing ñên giá cait chóng khoain phát hành	44
VIII.	PHỤ LỤC	45

I. NHỮNG NGƯỜI CHịu TRÁCH NHIỆM CHÍNH NỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BÁOCH

1. Tổ chức phát hành

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| - Ông Ninh Ngọc Viên | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Phạm Tiến Tôn | Chức vụ: Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Minh Nguyệt | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi nắm bắt rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế này và rất cần thiết để người nào đó có thể nhanh giải quyết tại sân, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty và các chi nhánh của Công ty cũng như nhanh giải quyết các quyền kèm theo chứng khoán phát hành.

2. Tổ chức tố vấn

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Trần Quyết Thắng | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Hải Việt Thắng | Chức vụ: Chuyên viên |

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ xin phép phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng và với Công ty Cổ phần Nại Ly Liên hiệp Văn chuyên (Gemadep). Chúng tôi nắm bắt rằng việc phân tích, nhanh giải quyết và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này này được thực hiện một cách hợp lý và cần trong đời trên cơ sở các thông tin và số liệu do Gemadep cung cấp.

II. TÓM TẮT VỊ THẾ CHỨC PHÁT HÀNH VÀI CHỖNG KHOẢN NĂNG KỶ LẠI

1. Giới thiệu về tổ chức phát hành

- Công ty Cổ phần Hải Lý Liên Hiệp Vận chuyển nội địa thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1489 QĐ/TCCB – LN ngày 24 tháng 7 năm 1993 do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp.

Công ty là đơn vị đầu tiên của ngành tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan cho loại hình vận chuyển hàng hóa bằng container. Từ năm 1995 Công ty bắt đầu khai thác mô hình Cảng Cain (ICD) nằm sâu trong nội địa kết hợp với việc bốc xếp và chuyển tải container bằng đường thủy nội địa (Midstream).

- Tên gọi Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN
- Tên giao dịch nội ngoại : GENERAL FORWARDING & AGENCY CORPORATION
- Tên viết tắt : GEMADEPT

- Trú sở chính (của Công ty thuê):

§ Địa chỉ: 35 Nguyễn Huệ tầng 15 Harbour View Tower, Q1, Tp HCM

§ Điện thoại: (84.8) 9140 133 Fax: (84.8) 8215 189

§ Email: Gmdhcm@hcm.vnn.vn

- Giấy phép năng kỹ kinh doanh số 059080 do Tổng tài kinh tế Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 11 năm 1993.

- Một vốn nhiều lãi

§ Ban đầu: 6.207.600.000 VNĐ (sáu tỷ hai trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm ngàn).

§ Hiện tại: 200.000.000.000 VNĐ (hai trăm tỷ) trong nội có 171.784.550.000 VNĐ (một trăm bảy mươi một tỷ bảy trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi ngàn) nui nhiều kiến niệm yet; phần còn lại là 28.215.450.000 VNĐ (hai mươi tám tỷ hai trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi ngàn) chóa nui nhiều kiến niệm yet là vốn nhiều lãi dưới hình thức phát hành cổ phiếu trái chảm.

- Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhiều lần bổ sung thêm chức năng; những lĩnh vực hoạt động chính hiện nay của Công ty như sau:

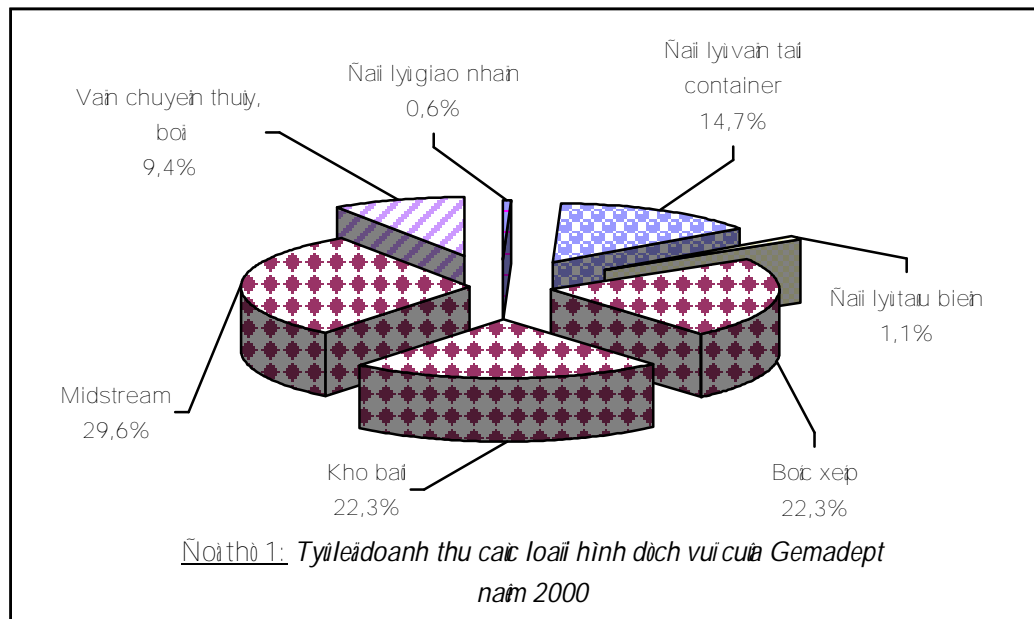
§ Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, vận chuyển container bằng đường thủy nội địa trên Cảng Cain (ICD) và ngược lại;

§ Tổ chức xếp dỡ sang main container và các loại hàng hóa khác từ tàu xuống sân lan và ngược lại trong khu vực các cảng;

- § Tối thiểu kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng nông nghiệp và hàng không, kinh doanh khai thác bến bãi container và các dịch vụ có liên quan;
 - § Mua bán, cho thuê tàu và container để kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển;
 - § Xây dựng mới giới và giới nối tại các cầu và hai tầng có sông giao thông vận tải, công trình bến bãi, cầu tàu, và phòng phục vụ vận tải và phòng khác;
 - § Kinh doanh vận phòng làm việc.
- Tổng số lao động hiện nay của Gemadept là 444 người, trong đó nhân viên quản lý là 36 người; Và
- § Lao động có trình độ đại học là 207 người chiếm 46,6%, trung cấp là 63 người chiếm 14,2%;
 - § Lao động giản tiếp 133 người chiếm 30%, lao động trực tiếp 311 người chiếm 70%.

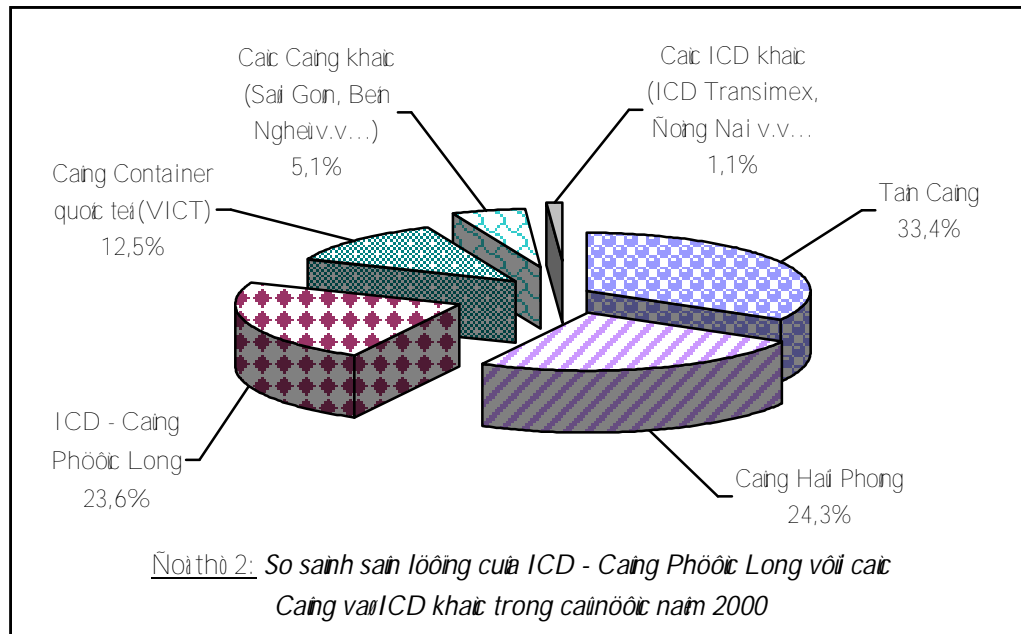
2. Thù trường

- Lĩnh vực khai thác Cảng – ICD Phước Long, vận chuyển Midstream là hoạt động kinh doanh có doanh thu chiếm tỷ trọng là 74,2% trong tổng doanh thu năm 2000 (**Biểu đồ 1**). Phần này của Cảng – ICD Phước Long được Gemadept thuê của Công ty Phát triển Hàng hải (Vimadeco) ⁽¹⁾.
- Hợp đồng thuê này giữa Gemadept và Vimadeco được ký kết năm 1995, hàng năm hợp đồng được tái đàm phán gia hạn hoặc ký kết nhiều chính bổ sung (nếu cần)



⁽¹⁾ Vimadeco là doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines).

Cảng (ICD) Phước Long là mô hình Cảng Cain đầu tiên trong cái nước nước Chính phủ và Tổng cục Hải quan cho phép khai thác từ năm 1995. Đây là một Cảng hoạt động lâu dài và nằm trong chiến lược phát triển ngành của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Công ty Gemadept này là một tổ chức hai tầng, trang thiết bị cảng trên phần đất thuộc quyền quản lý của Vimadeco. Việc thuê đất này là một phần nằm trong gói hợp tác kinh doanh giữa Gemadept và Vimadeco, phù hợp với gói thuê đất và quy hoạch phát triển ngành của Vinalines. Hàng năm gói này này được tái gia hạn và sẽ tiếp tục bổ sung nhiều chính sách theo quy mô phát triển của Cảng Phước Long.



ICD Phước Long hiện có công suất lớn nhất trong các ICD đang hoạt động tại khu vực Tp Hồ Chí Minh nhờ ICD Biên Hòa, ICD Nông Nại, ICD Sông Thành và ICD Transimex. Thêm vào đó do có lợi thế là ra nước đầu tiên (năm 1995) cũng nhờ gói hợp đồng dịch vụ cho nhiều hãng tàu lớn như: Misc, Kline, Hanjin, Yangming v.v... nên có một lượng tổng số lớn hàng hóa (hàng container) thông qua ICD Phước Long của Gemadept. Năm 2000 sản lượng của ICD Phước Long đạt mức 240.000 TEU và tăng trưởng là 15% so với năm 1999. Nếu tính về số sản lượng container thông qua Cảng, thì ICD Phước Long chiếm khoảng hơn 23% so với tổng sản lượng container cái nước; tổng cộng với Cảng Hải Phòng tức là hàng thứ 2 trong số các Cảng lớn hiện nay ở Tp Hồ Chí Minh và hàng thứ 3 trong cái nước (**nội đồ 2**)

- Lĩnh vực vận tải này phòng thời bao gồm các dịch vụ Nội địa container; Nội địa Tàu biển (tàu hàng rời); Nội địa Giao nhận hàng hải và hàng không; và Vận chuyển thủy bộ. Doanh thu của Nội địa vận tải Container có mức tăng trưởng trung bình qua các năm là 15,3% và chiếm 14,7% trong tổng doanh thu (năm 2000). Ngoài ra các hoạt động khác

nhỏ: Vận chuyển thủy lôi chiếm 9,4%; Nhai lyi Tau bien chiếm 1,1% và Nhai lyi Giao nhai chiếm 0,6% tổng doanh thu năm 2000 (*ñoatho 1*).

- Nguồn khách hàng chủ yếu của Công ty là các nhà xuất nhập khẩu, sản xuất (VolCafe của Thủy Số, Sucafina của Singapore – chuyển xuất nhập khẩu cà phê v.v...); các chủ tàu hàng rời (YL Sung của Hàn Quốc, Allied Maritime của Hy Lạp v.v...); các hãng vận tải hàng hải chuyên tuyến – vận tải container (Yangming của Đài Loan; Sinokor, Hanjin của Hàn Quốc v.v...).

3. Chiến lược kinh doanh

Những nét chính trong chiến lược kinh doanh của Gemadept là

- ✓ Ưu tiên ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến vào Việt Nam, đi đầu trong việc môi trường những loại hình dịch vụ môi trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo hướng hiện đại.
- ✓ Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ hàng hải năng cao khả năng cạnh tranh.
- ✓ Chú trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực; công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm dịch vụ môi trường; và quản lý chất lượng dịch vụ.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

Đơn vị: ngàn VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	1999	2000	2001 (6 tháng)
1	Tổng giá trị tài sản	326.836.953	378.077.687	397.403.016
2	Doanh thu thuần	287.979.909	340.477.004	202.555.969
3	Lợi nhuận trước thuế	131.756.157	102.493.902	63.148.732
4	Lợi nhuận sau thuế	85.973.753	68.468.015	43.564.755
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	30,9%	46,7%	42,7%

5. Chồng khoán năng kỹ lưỡng

- ✓ Loại hình chõng khoan : Công nghiệp phi công nghiệp.
- ✓ Số lượng chõng khoan niêm yết : 17.178.455 công nghiệp.
- ✓ Mệnh giá : 10.000 VNĐ.
- ✓ Giá niêm yết đối diện : 14.823 VNĐ/CP.
- ✓ Đối diện công nghiệp với công nghiệp : 12 – 20%/mệnh giá

III. CÁC NHẬN TỐI RỦI RO ẢNH HƯỞNG NẸN GIẢI CẢI CHỈNH KHOẢN PHẢI HANH

1. Rủi ro về kinh tế

- Giao nhận vận chuyển hàng hóa là một lĩnh vực hoạt động thiết yếu, phức tạp cho nhiều ngành nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là phức tạp hoạt động xuất nhập khẩu. Hàng năm tỷ trọng sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển chiếm khoảng 80% toàn bộ lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Do đó sẽ thay đổi về khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Gemadept.

Sở tăng trưởng về xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những chính sách phát triển kinh tế. Khi chính sách xuất nhập khẩu thay đổi, đặc biệt là về cơ cấu ngành hàng thì sẽ có tác động trực tiếp đến kim ngạch xuất nhập khẩu và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Gemadept. Khi khối lượng những mặt hàng xuất khẩu nhỏ thuy sản, dệt may, giày dép, thú cưng myi nghei và các mặt hàng nhập khẩu nhỏ nguyên liệu gia công, thiết bị máy móc biến đổi thì sẽ làm ảnh hưởng đến sản lượng của Gemadept. Bởi vì đây là nguồn hàng chính của các loại dịch vụ mà Gemadept đang cung cấp. Ngoài ra nếu khối lượng hàng hóa nhỏ đầu thời (xuất khẩu); xăng dầu, phần bin (nhập khẩu) v.v... thay đổi sẽ không tác động đến Gemadept (hàng hóa này qua các cảng và tàu chuyên dụng).

2. Rủi ro kinh doanh

- Hoạt động của Gemadept gắn chặt với hoạt động của các hãng tàu lớn mà Công ty có quan hệ với các. Do đó nếu biến động của thị trường Hàng hải thế giới nói chung và biến động trong kinh doanh của các hãng tàu này sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Gemadept.
- Theo xu hướng toàn cầu hóa và việc Việt Nam tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, nhất là việc tham gia lộ trình hội nhập AFTA (từ năm 2003 đến năm 2006), các hãng tàu nước ngoài có thể môi các chi nhánh và năm nhận công việc khai thác tàu. Nhiều nay coi ngóa là các hãng tàu nước ngoài sẽ trực tiếp thực hiện các loại dịch vụ mà Gemadept đang cung cấp. Nhờ vậy Gemadept có thể sẽ phải chịu thêm sức cạnh tranh về phía các hãng tàu.
- Thị trường giao nhận vận chuyển hàng hóa và dịch vụ hàng hải Việt Nam đang diễn ra sôi nổi do việc gia tăng về số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Số tính cả nước này có hơn 160 doanh nghiệp làm dịch vụ hàng hải (133 doanh nghiệp Nhà nước, còn lại là doanh nghiệp liên doanh, tư nhân, có phần v.v...). Riêng lĩnh vực Hải Lý – Một giới hàng hải có hơn 68 đơn vị chủ yếu hoạt động ở các trung tâm thông mại hàng hải nhỏ Tp Hải Chí Minh – Vũng Tàu – Hải Nội – Hải Phong v.v...

Về lĩnh vực giao nhận hàng hóa (Freight Forwarding) tôi cho rằng có vai trò quan trọng trong doanh nghiệp, nên nay trên phạm vi cả nước đã có gần 200 doanh nghiệp (khoảng 20 công ty liên doanh với nước ngoài, hàng trăm công ty TNHH v.v...), đây là chưa kể nhiều hãng giao nhận nước ngoài đang hoạt động ở nước ta thông qua các hình thức đại lý. Đây cũng là yêu cầu cần thiết để nâng cao hiệu quả của Gemadept.

Ngoài ra, hoạt động hợp tác kinh doanh liên doanh với nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành gia tăng cũng làm xuất hiện nhiều nội dung khai thác cạnh tranh và làm giảm thị phần của Công ty.

- Hiện nay theo quy hoạch tổng thể hệ thống cảng biển Việt Nam (năm 2010) là tập trung xây dựng một số cảng tổng hợp cỡ lớn (2.000 – 3.000 TEU). Chủ yếu tập trung ở các vùng kinh tế trọng điểm cho các tàu cỡ lớn (2.000 – 3.000 TEU). Chủ yếu tập trung ở các cảng hoặc khu bến chuyên dùng cho hàng container và cảng trung chuyển container quốc tế đặc biệt là khu vực Tp Hồ Chí Minh – Vũng Tàu – Vũng Tàu (ví dụ: hệ thống liên hợp Cảng Thò Vải – Vũng Tàu). Khi các cảng mới này ra đời (dự kiến vào khoảng năm 2006 – 2008) sẽ thu hút một lượng hàng hóa và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Gemadept.

3. Rủi ro về thị trường

- Khách hàng của Gemadept chủ yếu là các nội địa nước ngoài, nên doanh thu tính bằng ngoại tệ của Công ty rất lớn (chiếm hơn 80% tổng doanh thu). Thêm vào đó ngoài trời những khoản đầu tư mua sắm trang thiết bị chuyên dùng, hầu hết chi phí của Gemadept là ở nước Việt Nam. Vì vậy nếu thị trường nước ngoài tăng thì lợi nhuận của Công ty tăng lên. Ngược lại nếu thị trường nước ngoài giảm thì lợi nhuận của Công ty sẽ giảm theo.

4. Rủi ro về luật pháp

- Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh và khai thác thời cơ chưa cao. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính nhất là những quy định về thuế hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Nhiều nay làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng hải của Công ty.
- Hiện tại Nhà nước đang thực hiện cải cách hành chính toàn diện với vấn đề nổi bật là tăng cường vai trò của nhà nước, chẳng hạn: không cho phép thành lập doanh nghiệp liên doanh, hay chuyển các cơ quan nhà nước thành các chi nhánh công ty; Bước tiếp theo của cải cách hành chính là chuyển đổi một công ty nhà nước thành Việt Nam làm tổng đại lý cho các tàu của mình ra vào cảng Việt Nam v.v... Tuy nhiên khi thực hiện tới do hạn chế thông tin, dịch vụ thì các doanh nghiệp trong ngành có thể không còn sự quan tâm của nhà nước nữa. Vì khi đó sẽ có sự

tham gia của các doanh nghiệp nội địa cũng như ngành nghề vào thị trường Việt Nam. Nhiều nay sẽ làm tăng số cạnh tranh và có thể ảnh hưởng đến thị phần hiện tại của Gemadept.

5. Rủi ro khác

- Một số rủi ro mang tính bất khai hoặc ít coi trọng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Nổi lên những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, nóng nực v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo. Ngoài ra do lĩnh vực hoạt động rất trọng của mình nên Gemadept còn gặp một số rủi ro khác về bảo hiểm, lãi suất v.v...

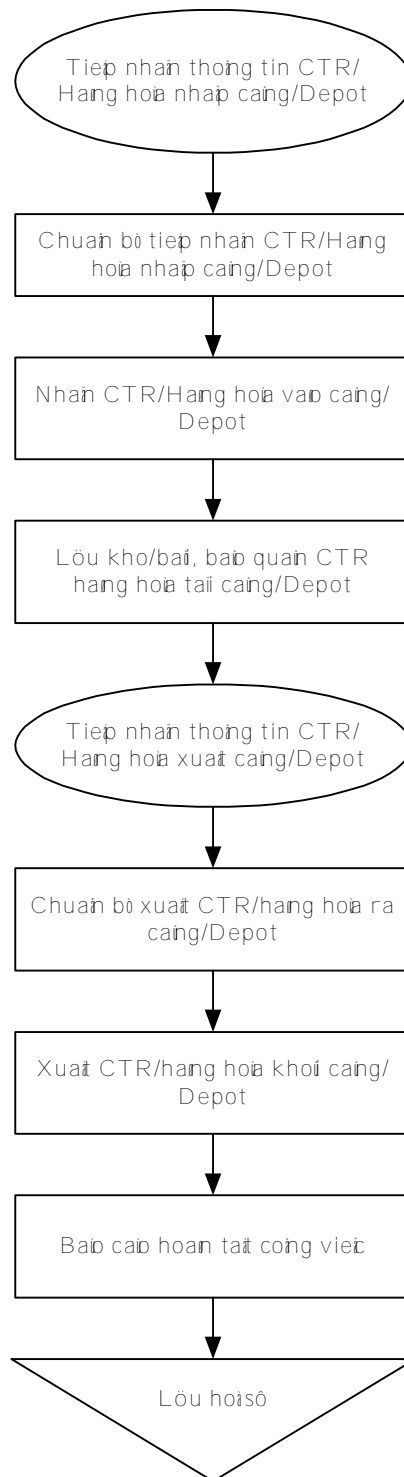
IV. CÁC KHAI NIỆM

- ✓ Ngho ñoñh 48/CP: Ngho ñoñh soá 48/1998/NÑ-CP ban hành ngày 11/07/1998 của Chính phủ về Chöng khoan và Thò tröông Chöng khoan.
- ✓ UBCKNN: Ủy Ban Chöng Khoan Nhà Nöïc.
- ✓ TTGDCK: Trung Tâm Giao Döch Chöng Khoan Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Công ty: Công ty Cổ phần Nhà Liêi Hiệp Vain chuyên
- ✓ CFS (Container Freight Station): Kho thu gom ñoing goi hàng hoia lei
- ✓ ICD (Inland Clearance Depot): Cảng thông quan nội ñòa – cảng cain.
- ✓ Depot: laicai bãi chöa container riêng (ñeipoi).
- ✓ CTR: viết tắt của container.
- ✓ RF (Reefer): viết tắt của container lạnh.
- ✓ TEU (Twenty – feets Equivalent Unit): lai ñôn vò ño löông töng ñöông 1 container 20 feet.
- ✓ Vain chuyên Midstream: dùng sai lan chuyên tải container và hàng hoia bằng ñöông thuy nội ñòa töitau ñeñ ICD Phöïc Long, kho bãi của chui hàng và ñöüc lai.
- ✓ **Cảng cain (ICD) Phöïc Long**

Cảng cain (ICD) lai möi ñòa ñieñ năm sáu trong ñat liên, ño tập kết hàng hoia xuất nhập khẩu và coi chöc ñang hoạt ñöng với quy che ñh möi Cảng biển (coi kiem tra giam sai tröc tiep của Hải quan ñeñ thöc hiên cai thui tuic xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hoia).

Nghiep vui nay do böi phần cảng phủi trách và coi quy trình khai thác (**hinh 1**) ñam cung cấp döch vui coi chat lööng cao và ño ñoñh cho khách hàng bằng viec kiem soát và ñam baö rang tắt cai container, hàng hoia ñöüc xếp döi löu kho, löu bãi và giao nhận ñöüc an toan, chính xác, nhanh chöng và thui loi trong toan böi khu vöc Cảng Phöïc Long.

Hình 1: Quy trình khai thác cảng (ICD) Phước Long

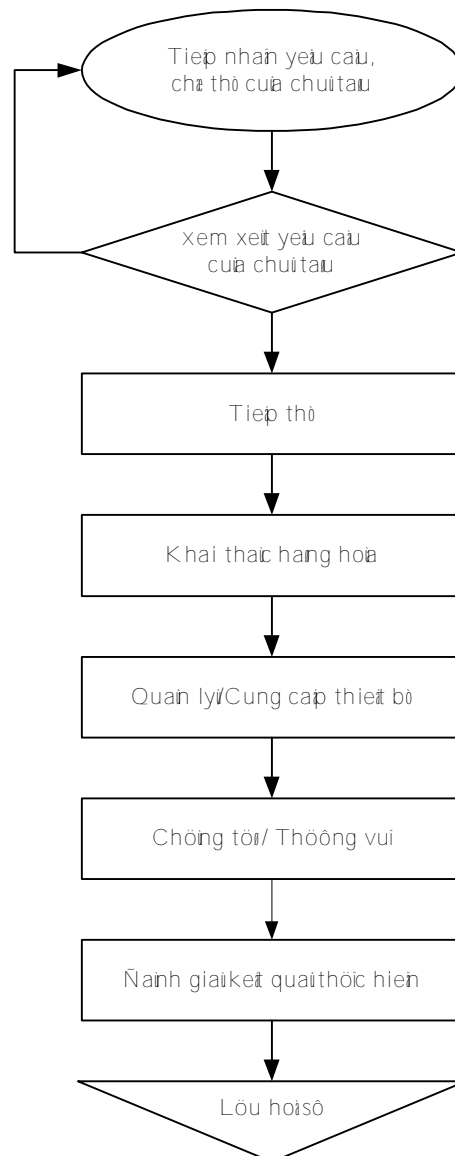


▼ *Nhà lý vận tải Container (Liner Agency)*

Nhà lý vận tải Container là loại hình dịch vụ khác biệt nằm trong hệ thống vận tải container toàn cầu và khu vực. Nhà lý vận tải các công ty vận tải nước ngoài chế nhành làm công việc nhiều hành hoạt động khai thác vận tải container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu chôi hàng container chạy theo lịch trình vận tuyền nhà nhành trước.

Nhà lý vận tải Container nhận số ủy thác của hãng tàu để thu xếp nhận nhành hàng (booking), tìm hàng, quản lý phòng tiện – container, thu xếp tàu chạy nhanh (feeder), tiến hành các thủ tục thanh toán với chủ hàng v.v... Quy trình làm Nhà lý vận tải Container (*hình 2*) nhằm bảo đảm mãn tới nhành các yêu cầu hợp lý của chủ tàu (Principal) về kinh doanh vận tải container tại Việt Nam. Quy trình này được áp dụng tại các phòng Nhà lý vận tải Container của Công ty, kể cả chi nhánh ở Hải Nội và Hải Phòng.

Hình 2: Quy trình cung cấp dịch vụ Nhà lý vận tải Container

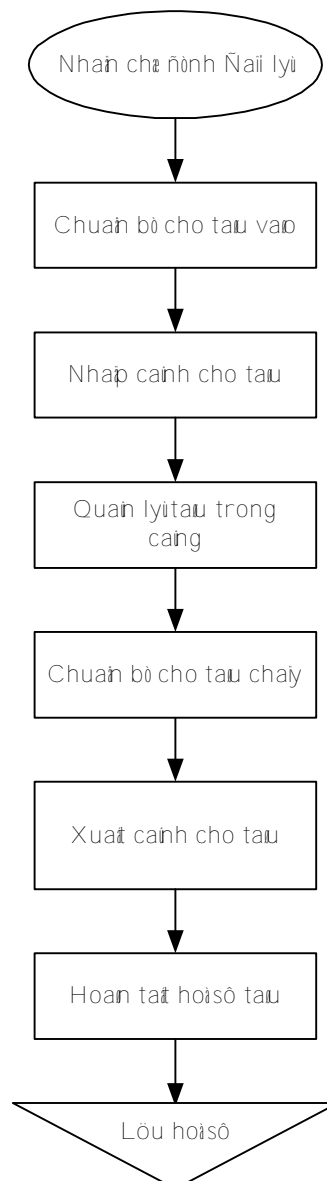


▼ *Nại lý Tàu biển (Shipping Agency)*

Nại lý Tàu biển coi nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và đơn xếp các công việc phục vụ tàu tại Cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm các thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hóa tiêu, xếp dỡ hàng hóa v.v...). Nại lý Tàu biển nước chủ tàu (các hãng vận tải hàng hóa rồi) chế nhỡ thay mặt và nhậi diện cho quyền lợi hợp pháp của họ tại Việt Nam nhệ khai thác vận tải hàng hóa.

Quy trình Nại lý Tàu biển (*hình 3*) áp dụng cho phòng Nại lý Tàu biển. Quy trình này nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ tốt nhất, nhậi ồng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng; qua nhậi năng cao nhậi năng cạnh tranh nhậi phát triển và nhậi giới thò phần của Công ty.

Hình 3: Quy trình cung cấp dịch vụ Nại lý Tàu biển



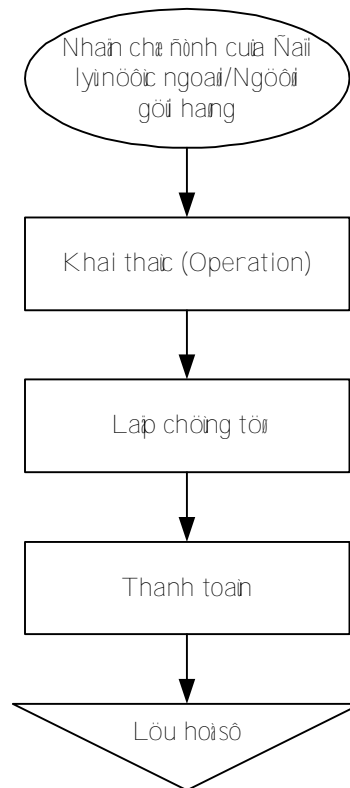
▼ **Nhà lý Giao nhận hàng hóa (Forwarding Agency)**

Nhà lý Giao nhận đảm nhận công việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ điểm này đến điểm cuối cho chủ hàng. Bao gồm các việc: gom hàng lẻ nhận hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hàng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hóa và các công việc khác để giao hàng tại nhà điểm nhận theo yêu cầu.

Nhà lý Giao nhận còn nhiệm vụ gom hàng lẻ cho đầy container, làm thủ tục cho các nhà máy lớn, các nhà sản xuất trong việc giao nhận hàng hóa với tổ chức lái ngoài kinh doanh nội địa.

Quy trình giao nhận hàng hóa (**hình 4**) sẽ đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người ủy thác về giao nhận hàng hóa nội địa và xuất nhập khẩu với phương châm "an toàn, tiến lùi, nhanh chóng vì lợi ích của người ủy thác". Quy trình nội địa áp dụng cho phòng Giao nhận, chi nhánh Hải Nội và Hải Phòng.

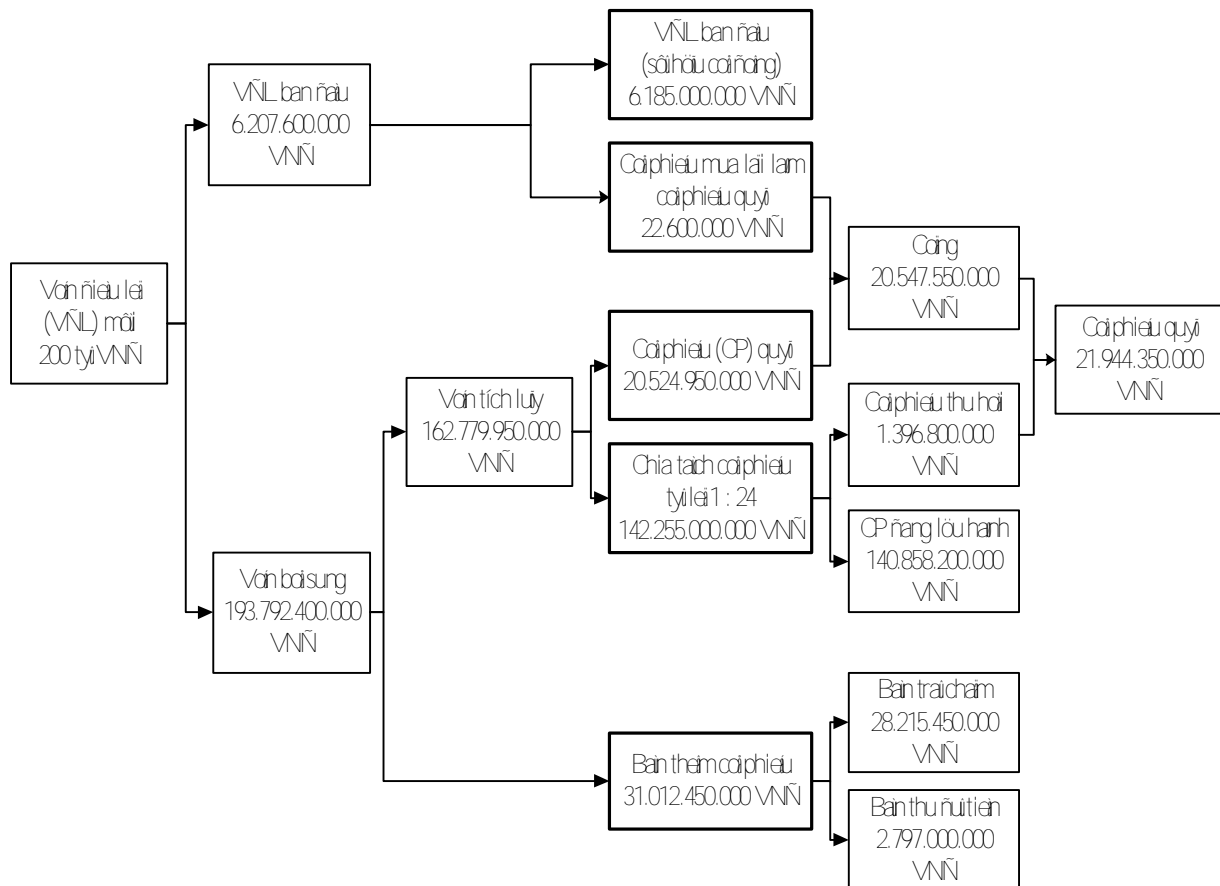
Hình 4: Quy trình cung cấp dịch vụ Nhà lý Giao nhận



V. CHÖNG KHOAN ÑANG KYILAI

1. Loại chöng khoan : Cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá : 10.000 VNĐ
3. Tổng số chöng khoan niêm yết : 17.178.455 cổ phiếu
4. Tăng vốn ñieu lệ và tách cổ phiếu

- Theo Nghị quyết Ñại hội ñồng Cổ ñông số 99/GMD ngày 20/11/2001, quá trình tăng vốn, chia tách và phát hành thêm cổ phiếu có thể tóm tắt nhö sau:



Trong ñoù

§ Vốn ñieu lệ cũ : 6.207.600.000 VNĐ

§ Vốn ñieu lệ tăng thêm : 193.792.400.000 VNĐ, bao gồm:

- i. Chuyển từ nguồn vốn tích lũy lại 162.779.950.000 VNĐ bao gồm lợi nhuận tích lũy các năm và các khoản thuế ñộc miễn giảm. Trong ñoù
 - + Chia cổ phiếu cho cổ ñông cũ tỷ lệ 1 : 24 lại 142.255.000.000 VNĐ.
 - + Giữ lại làm cổ phiếu quỹ lại 20.524.950.000 VNĐ.

- ii. Phát hành cổ phiếu mới nội ứng 31.012.450.000 VNĐ, bao gồm:
- + Phát hành cổ phiếu thu tiền ngay là 2.797.000.000 VNĐ;
 - + Phát hành bằng hình thức trả chậm là 28.215.450.000 VNĐ; trong nội

Nhận góp: 9.257.600.000 VNĐ

Cải thiện: 18.957.850.000 VNĐ

Nhờ vậy ngoài trả phần trả chậm là 28.215.450.000 VNĐ, vốn nhiều lãi thóc tại tài thời điểm hiện tại của Gemadept là 171.784.550.000 VNĐ.

- Số lượng cổ phiếu theo Nghị quyết 99/GMD có sai lệch giữa Báo cáo kiểm toán 6 tháng đầu năm 2001, Nghị quyết 63/GMD của NHCS ngày 10/07/2001 và Nghị quyết số 73/HNQT-GMD ngày 15/10/2001 của HNQT nhiều chênh lệch bản cổ phiếu.

Nguyên nhân của chênh lệch này là do trong Nghị quyết 63/GMD ngày 10/07/2001 của NHCS chưa xác định xong số lượng cổ phần Nhận góp (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) cần phải mua nội ứng nguyên tỷ lệ năm giới 18,16% vốn nhiều lãi nhờ ban đầu. Do nội trong quá trình triển khai thực hiện nội coi những thay đổi. Theo ủy quyền của NHCS, ngày 15/10/2001 HNQT Công ty Gemadept nội nhóm họp và ra Nghị quyết số 73/HNQT-GMD nội nhiều chênh lệch bản cổ phiếu. Quá trình tăng vốn nhiều lãi và tách cổ phiếu theo số liệu thóc tại nội nội NHCS tổng kết và thông qua trong Nghị quyết 99/GMD ngày 20/11/2001.

5. Giá trị nội ứng : 14.823 VNĐ/CP

6. Phương pháp tính giá

- Công thức nội ứng giá trị nội ứng là giá trị sổ sách (book value) của Công ty vào thời điểm 30/06/2001. Giá trị sổ sách cổ phiếu nội ứng tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{254.633.311.393}{17.178.455} = 14.822,8 \text{ VNĐ/CP}$$

- Giá trị sổ sách cổ phiếu làm tròn là 14.823 VNĐ/CP.

7. Giới hạn về tỷ lệ năm giới nội với nội nội ngoại

- Các Pháp nhân và Thể nhân nội ngoại coi thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Nội Liên hiệp Văn chuyên theo nội quy nội của pháp luật.

8. Các loại thuế nội liên quan

- Theo quy định của Thông tư số 74/2000/TT – BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ Tài Chính, nội với nội chức phát hành nội chứng khoán nội nội nội, ngoại nội nội

hồing các ầu ñaí veí theá phui hóp vói quy ñinh của Luật theá TNDN hiện hành con ñóóc giảm 50% số theá thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 năm tiếp theo kể từ khi niếm yeá chöng khoản lãi ñaú tại Trung tâm Giao dích Chöng khoản.

Cung theo Thöng tö nêu trên, các cai nhain ñaú tö chöng khoản ñóóc miên theá thu nhập ñóái vói ngöôi coi thu nhập cao ñóái vói khoản thu nhập tö coi töc, lãi trái phiếu và chênh lệch mua bán chöng khoản.

- Theá thu nhập doanh nghiệp

Theá suất theá thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo tổng hoạt ñöng:

§ Ñaí lyí ñaú, ñaí lyí Container, uyí thác dích vui : 32%;

§ Khai thác bãi, vận chuyén thủy böi : 25%.

Trong ñó:

Thu nhập hoạt ñöng khai thác bãi và vận chuyén thủy böi phát sinh từ ñöi an ñaú tö môi và ñöi an ñaú tö môi röng ñaý chuyén vận tại xếp ñöi ñaú – Midstream Cảng Phöóc Long và ICD Phöóc Long, theo Giấy chöng nhain ầu ñaí ñaú tö số 5851/BKH/DN ngày 04 tháng 09 năm 1999, Công ty ñóóc hồing các ầu ñaí ñaú nhö sau kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999:

Ñóái vói ñöi an ñaú tö môi ñaý chuyén vận tại xếp ñöi ñaú – Midstream – Cảng Phöóc Long – ICD Phöóc Long:

Theá suất theá thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Ñóóc miên 02 năm theá thu nhập doanh nghiệp và ñóóc giảm 50% số theá thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Không phải nộp theá thu nhập böi sung quy ñinh tại khoản 1 niêu 10 của luật Theá thu nhập Doanh nghiệp.

Ñóái vói ñöi an ñaú tö môi röng ñaý chuyén vận tại xếp ñöi ñaú – Midstream – Cảng Phöóc Long – ICD Phöóc Long:

Ñóóc hồing ầu ñaí theá suất theá thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Ñóóc miên 02 năm theá thu nhập doanh nghiệp và ñóóc giảm 50% số theá thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

VI. CÁC NỘI TÀI LIỆN QUAN TỚI NỘI T PHẢI HÀNH

1. Tài chđc kiđm toán

▼ Công ty Kiđm toán vài Tđ vñ (A&C)

Ñđ chđ: 229 Ñđng Khđi, Quđn 1, Tp Hđi Chí Minh

Ñđn thođi: (84.8) 8272 295 – 8272 296 Fax: (84.8) 8272 298 – 8272 300

Email: a&c@hcm.vn.vn

2. Tài chđc tđ vñ

▼ Công ty Cđi phđn Chđng khođn Sai Gon (SSI)

Ñđ chđ: Lđu 1, 12 Nam Kyđ Khđi Nghđ, Quđn 1, Tp Hđi Chí Minh

Ñđn thođi: (84.8) 8218 567 Fax: (84.8) 8294 123

E-mail: ssi@saigonsecurities.com Website: www.saigonsecurities.com

VII. TÌNH HÌNH VAI NÃI CUA TOI CHOI C PHAI HANH

1. Toim tai quai trinh hinh thanh vai phai trien

- Công ty Cổ phần Nhai Iyi Lien hiệp Van chuyen (Gemadept) noidc thanh lap ngay 24 thang 07 nam 1993 (tien than lai doanh nghiep Nhai noidc thuoc Cuc Hang hai Viet Nam, thanh lap nam 1991) – lai non vo hau tien trong cai noidc noidc Nhai noidc choin lam thi niem chuyen thanh Công ty coi phan.

- Công ty noidc thanh lap tren co soi gop von cua coi hong, voi moi von nheo lai ban hau lai 6.207.600.000 VNĐ (sau tyi hai tram lei baiy trieu, sau tram nghin). Trong noi

§ Nhai noidc soi hau	: 18,16%;
§ Coi hong trong Công ty	: 21,12%;
§ Vai Coi hong ngoai Công ty	: 60,72%.

Hien tai, von nheo lai cua Công ty nang kyi niem yet lai 171.784.550.000 VNĐ (moi tram baiy moi moi tyi baiy tram tam moi boi trieu, nam tram nam moi ngan), trong noi

§ Nhai noidc soi hau	: 15,75%;
§ Coi hong trong Công ty soi hau	: 26,66%;
§ Coi hong ngoai Công ty soi hau	: 44,82%;
§ Vai coi phieu quy lai	: 12,77%.

- Cai dich vui chnh hien nay Công ty nang cung cap cho khai hang bao gom:

- § Dich vui kho bai chiem 22,3%; Boi xep chiem 22,3% vai chuyen tai container bang noidc thuy (midstream) chiem 29,6% tong doanh thu nam 2000;
- § Nhai Iyi van tai Container (Liner Agency), chiem 14,7% tong doanh thu nam 2000;
- § Van chuyen thuy boi chiem 9,4% tong doanh thu nam 2000;
- § Nhai Iyi Tau bie (Shipping Agency), chiem 1,1% tong doanh thu nam 2000;
- § Vai Nhai Iyi Giao nhan (Forwarding Agency), chiem 0,6% tong doanh thu nam 2000.

- Tong soi lao hong cua Công ty vao luc moi thanh lap (7/1993) lai 85 ngoi, trong noi 50 ngoi coi trinh noi nai hoic chiem 58,8%, con lai 30 ngoi lai trung cap kyi thuat chiem 35,2%. Sau 9 nam phai trien, hien nay tong soi lao hong cua Công ty lai 444 ngoi, trong noi nhan vien quan Iyi lai 36 ngoi; Vai

- § Lao hong coi trinh noi nai hoic lai 207 ngoi chiem 46,6%, trung cap lai 63 ngoi chiem 14,2%;
- § Lao hong gian tiep 133 ngoi chiem 30%, lao hong tric tiep lai 311 ngoi chiem 70%.

- Nội nhập ồng nhu cầu khách hàng cũng nhờ năng cao khả năng cạnh tranh và quy mô hoạt động, Công ty nội liên tục phát triển các chức năng kinh doanh của mình.
Tháng 10 năm 1995 theo quyết định số 4400 QN/TCCB – LN của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp, Công ty nội bổ sung các chức năng về kinh doanh tàu, container (mua bán, cho thuê) và xây dựng.
Năm 1996, theo Quyết định số 2379 QN/TCCB – LN của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Công ty coi thêm chức năng tải chức xếp dỡ sang main container, vận chuyển container và các loại hàng hóa khác.
Tháng 9 năm 1997, Công ty môi trường chức năng hoạt động về dịch vụ cung ồng tàu biển và kinh doanh vận phòng làm việc theo quyết định số 2455 QN/TCCB – LN của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Cùng với số môi trường chức năng hoạt động Gemadept cũng phát triển mạnh về quy mô hoạt động. Hiện nay Công ty coi 4 chi nhánh tại các nhà phồng trên cái nước: Hải Phòng, Hải Nội, Nội Naing và Quy Nhơn; 6 vận phòng nội lý; 3 vận phòng khối cảng, 2 xí nghiệp, 1 công ty liên doanh và 6 phòng ban nghiệp vụ.
- Năm 1997 Công ty nội tổ môi đầy chuyên vận tải, xếp dỡ tàu – Midstream – Cảng (ICD) Phồng Long và hoàn thành nhà vận hoạt động quy 4 năm 1998. Dối an coi tiếp tục triển khai nên năm 2002 với tổng số vốn nội tổ đổi kiến lại 98 tỷ VNĐ.
Cuối năm 1999, Công ty thực hiện đổi an nội tổ môi trường quy mô tăng năng lực và chuyên xếp dỡ container từ khu vực nước tại Cảng Sài Gòn nên ICD Phồng Long, với tổng vốn nội tổ lại 29 tỷ VNĐ.
- Từ giữa năm 1999 Gemadept thực hiện xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002 và nội nước tải chức SGS (Societe Generale de Surveillance) của Thụy Sĩ cấp chứng nhận vào ngày 22/12/2000.
- Nước thành lập từ năm 1993 với hình thức môi lại Công ty coi phần, Gemadept nội trải qua 9 năm hoạt động và không ngừng phát triển trên lĩnh vực kinh doanh giao nhận, vận chuyển quốc tế. Một nội tăng trưởng doanh thu của Công ty trung bình khoảng 15%/năm và nội hơn 340 tỷ VNĐ năm 2000.
Số phát triển về quy mô ồng nội về tải chức, quan hệ môi trường với nhiều nội tại cung với kinh nghiệm hoạt động lâu năm và nội người nhân viên mạnh về chuyên môn nghiệp vụ lại không ồng thể làm tăng khả năng cạnh tranh của Gemadept.

2. Cấu trúc tải chức Công ty

- Vận phòng, nội lý tại Tp Hải Chí Minh

1. Vận phòng Nội lý Container

211 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận

Nội thoại: (84.8) 8451 579

2. Văn phòng Hải lý Giao nhận
194 Paster, Quận 3
Điện thoại: (84.8) 8258 053
 3. Văn phòng Hải lý Container
35 Nguyễn Huệ Quận 1
Điện thoại: (84.8) 8214 446
 4. Văn phòng Hải lý Tàu biển
8A Nguyễn Huệ Quận 1
Điện thoại: (84.8) 8231 052
 5. Văn phòng Hải lý Tàu biển
123 Lê Lợi, Quận 1
Điện thoại: (84.8) 8213 070
 6. Văn phòng Hải lý Hàng không
44 Trường Sơn, Tân Bình
Điện thoại: (84.8) 8421 506
- Văn phòng kho bãi cảng tại Tp Hồ Chí Minh
1. Cảng Phước Long
Điện thoại: (84.8) 8968 554
Fax: (84.8) 8978 087
 2. ICD Phước Long
Điện thoại: (84.8) 8964 954
Fax: (84.8) 8963 273
 3. Văn phòng Tân Cảng
Điện thoại: (84.8) 8999 036
Fax: (84.8) 8992 595
- Các Chi nhánh trong nước
1. Chi nhánh Hải Phòng
Địa chỉ: 282 Nguyễn Huệ, Hải Phòng
Điện thoại: (84.31) 825 972
Fax: (84.31) 825 977
 2. Chi nhánh Hải Nội
Địa chỉ: 108 Lê Lợi, Hải Nội
Điện thoại: (84.4) 8 519 524 - 8 510 306
Fax: (84.4) 8 519 328
 3. Chi nhánh Hải Nam
Địa chỉ: 39 Quang Trung, Hải Nam
Điện thoại: (84.511) 832 393
Fax: (84.511) 823 563
 4. Chi nhánh Quy Nhơn
Địa chỉ: 133 Lê Lợi, Tp Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: (84.56) 821 303
Fax: (84.56) 813 503
- Các Xí nghiệp trực thuộc
1. Xí nghiệp Văn tải biển Hữu Nghè
(Huu Nghi Shipping Company – Gọi tắt là HUNSHIP)
Địa chỉ: 9A Tôn Đức Thắng, Q1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8242 994 – 8241 335 Fax: (84.8) 8242 995

Xí nghiệp được thành lập theo Quyết định số 673/TCCB – LN ngày 04 tháng 12 năm 1993 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam. Xí nghiệp là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế có tổ chức pháp nhân không đầy đủ, không có vốn đầu tư riêng. Xí nghiệp phục vụ hoạt động làm hải lý và một số dịch vụ khác.

2. Xí nghiệp Văn tại Thái Bình Đông
(Pacific Marine Company – Gọi tắt là PAMAR)

Địa chỉ: 35 Nguyễn Huệ, lầu 15 Harbour View Tower, Q1, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 8214 446 – 8214 447 Fax: (84.8) 8214 448

Xí nghiệp được thành lập theo Quyết định số 564/QĐ – TCCB – LN ngày 22 tháng 02 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Xí nghiệp là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế có tổ chức pháp nhân không đầy đủ, không có vốn đầu tư riêng. Xí nghiệp phục vụ hoạt động làm hải lý và một số dịch vụ khác.

3. Công ty liên doanh MBN – GMD Việt Nam
(MBN – GMD VIET NAM)

Địa chỉ: 211 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Công ty được thành lập theo Quyết định số 252/GP – HCM ngày 27 tháng 07 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh. Doanh nghiệp là Công ty liên doanh sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế có tổ chức pháp nhân, có vốn đầu tư riêng. Công ty kinh doanh và lĩnh vực khai thác dịch vụ kho bãi, kho ngoài quan phục vụ hàng nông sản xuất khẩu.

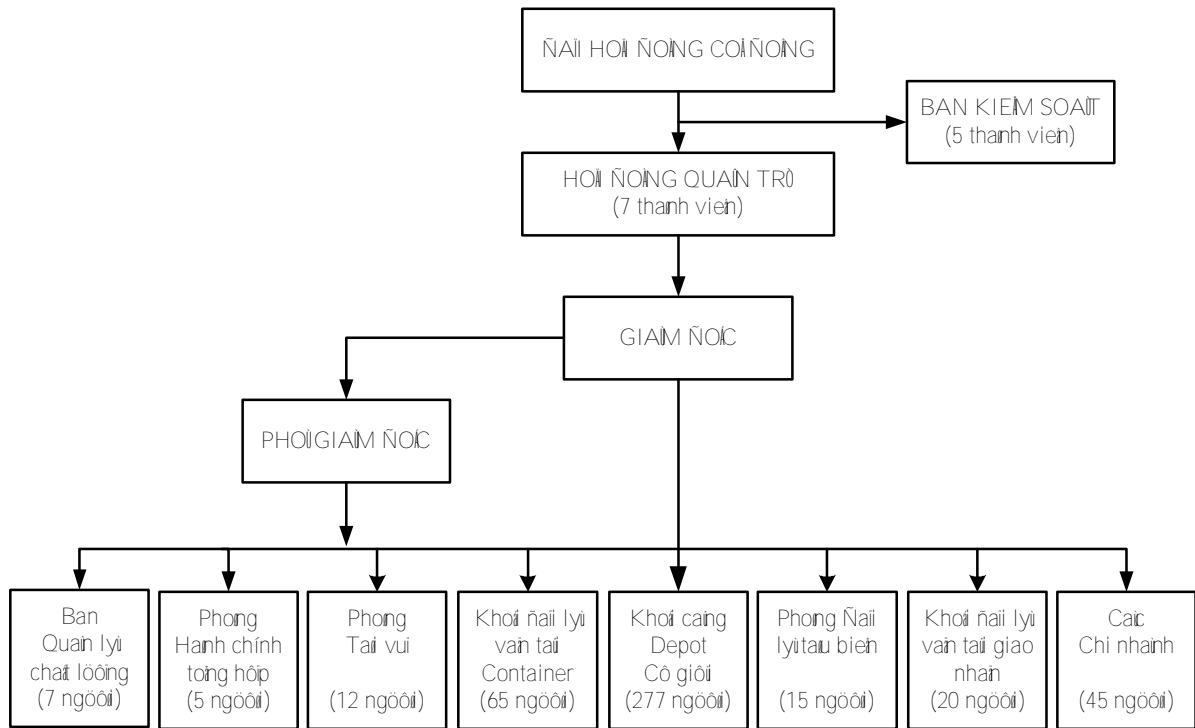
Tỷ lệ góp vốn của Gemadept là 34% (170.000 USD).

Hiện nay Công ty liên doanh đang trong quá trình chuẩn bị chào đi vào hoạt động.

3. Cơ cấu bồi đắp quản lý của Công ty

Gemadept được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cấu trúc tổ chức của Công ty được xây dựng theo cấu trúc chức năng nhằm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty: cung cấp chủng loại sản phẩm dịch vụ kịp thời và có liên hệ nhau. (hình 5)

Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý và hoạt động của Công ty



Cơ thể chia tách cơ cấu tổ chức của Công ty thành 2 nhóm chức năng: Nhóm quản lý và điều hành và nhóm tác nghiệp.

3.1. Nhóm quản lý và điều hành

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty và có nhiệm vụ:

- § Thông qua nhiều loại phòng hàng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- § Bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- § Các nhiệm vụ khác do nhiều loại quy định.

Hội đồng Giám sát

Hội đồng Giám sát là tổ chức quản lý cao nhất trong Công ty, có nhiệm vụ:

- § Báo cáo trước Hội đồng Quản trị tình hình kinh doanh, đời kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phòng hàng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất của Công ty.
- § Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quy định của Công ty.
- § Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

§ Kiến nghị sửa đổi và bổ sung nội dung của Công ty.

§ Quyết định triệu tập Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị của Gemadept hiện tại có 7 người bao gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 5 thành viên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người có trình độ học vấn cao, có kinh nghiệm quản lý và có quá trình hoạt động lâu năm trong lĩnh vực hàng hải.

Ban giám đốc

Ban giám đốc, đồng này là Giám đốc điều hành, giúp việc cho Giám đốc là 1 Phó Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi miễn. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

§ Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị, kế hoạch kinh doanh. Kiến nghị phòng nhân sự có cấu trúc và quy chế quản lý nội bộ công ty theo hướng nội bộ gọn nhẹ quyết định Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị.

§ Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý Công ty: Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh, xí nghiệp thành viên; Trông – phó phòng; sau khi nhận được HNQT phê duyệt.

§ Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sở phân cấp của Nội bộ Công ty.

§ Báo cáo trước Hội đồng Quản trị tình hình hoạt động tài chính, kế quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng Quản trị.

3.2. Nhóm tác nghiệp

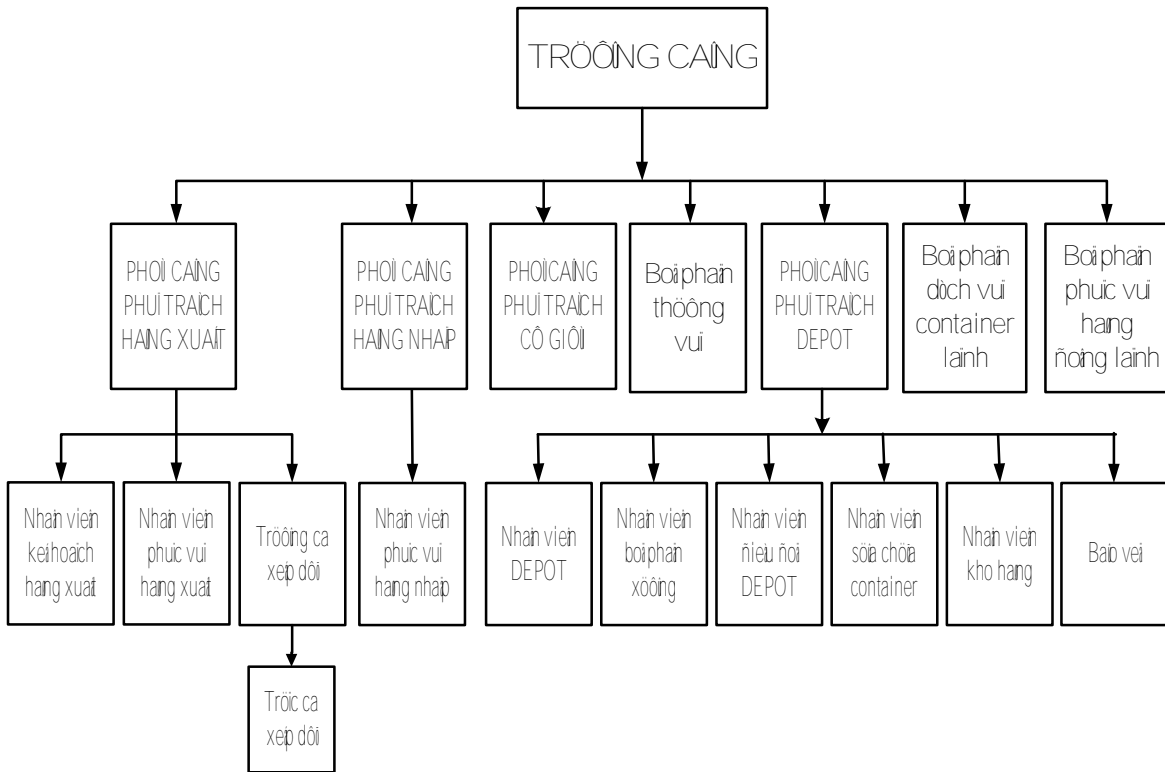
Nhóm này trực tiếp tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty được phép tham gia, vì thế sẽ hoạt động tốt của nhóm sẽ đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

- Trực tiếp hoạt động kinh doanh là các phòng nghiệp vụ bao gồm phòng Nhân sự và tại Container, Nhân sự Giao nhận, Nhân sự Tàu biển và Cảng (ICD) Phước Long; do các Trông phó Phòng, Trông phó Cảng điều hành và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc.

Các phòng ban nghiệp vụ sẽ cung cấp cho khách hàng những dịch vụ (trong lĩnh vực phụ trách) với chất lượng cao và ổn định, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời các phòng ban này có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ nhau để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Cảng (ICD) Phước Long: bao gồm 277 người, là bộ phận có tính năng tự riêng trong các loại hình dịch vụ mà Gemadept nâng cấp. Bộ phận này được tổ chức theo cấu trúc chức năng với sự quản lý của Trông Cảng và 4 Phó Trông Cảng phụ trách các nhóm công việc khác nhau (**hình 6**). Cấu trúc này được xây dựng nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ có chất lượng cao và ổn định cho mỗi khách hàng.

Hình 6: Sơ đồ tổ chức Cảng Phước Long



- Hoạt động kinh doanh ôi các nhà phông khác là các Chi nhánh của Công ty do các Giám đốc chi nhánh trực tiếp nêu hành và chịu sô chã nêu của Ban Giám đốc. Ngoài ra, giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý các chức năng khác là Ban Quản lý chất lượng, Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Kế toán.

Ban Quản lý chất lượng: bao gồm các chuyên gia và các trưởng phòng kiêm nhiệm, coi trách nhiệm xây dựng áp dụng và duy trì hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002; Phối hợp với các phòng ban thực hiện các hành động khác phục phông ngoài; Báo cáo các hoạt động của hệ thống chất lượng trong cuộc họp xem xét của lãnh đạo nêu làm cơ sở cải tiến hệ thống chất lượng. Ngoài ra Ban Quản lý chất lượng còn coi nhiệm vụ liên hệ tiếp xúc với các cơ quan bên ngoài nhằm hỏi trợ việc thực hiện các vấn đề liên quan đến chất lượng.

Phòng Hành chính tổng hợp: bao gồm 5 người, coi nhiệm vụ nhận thông tin từ khách hàng và phối hợp các phòng ban liên quan nêu thực hiện tốt công việc. Lập kế hoạch nêu tạo và thực hiện tuyển dụng nhân sô nêu nhập ổng yêu cầu kinh doanh của Công ty. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hoạt động của phòng.

Phòng Tài vụ - kế toán: bao gồm 12 người, thực hiện các công việc về tài chính – kế toán liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kế toán trưởng phải chịu trách

nhằm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Giám đốc.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty
- Từ khi thành lập tới nay, Công ty không có các cổ đông lại thế nhận nắm giữ trên 5% vốn cổ phần. Pháp nhân duy nhất nắm giữ trên 5% vốn cổ phần là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines).

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

Đơn vị: ngàn VNĐ

TT	Tên họ	Nơi cư trú	Số vốn	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	201 Khám Thiên – Hải Nội	27.062.400	15,75
	Tổng cộng		27.062.400	15,75

5. Hoạt động kinh doanh

- 5.1. Thò phần vai trò thi cainh tranh

a. Thò phần:

- Trong lĩnh vực khai thác cảng, Cảng (ICD) Phố Đức Long thuộc Gemadept là cảng có lối hàng container thông qua cảng hàng thủy 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh và thời ba trong cải nòic với lối hàng 240.000 TEU năm 2000 (sau Tain Cảng – 340.000 TEU và tổng nòic với Cảng Hải Phòng). Thò phần của Gemadept trong lĩnh vực này chiếm hơn 23% so với cải nòic.
- Trong lĩnh vực Nại lý vận tải Container (Liner Agency), Gemadept làm nại lý cho nhiều hãng tàu lớn trong số các hãng tàu hiện đang có mặt tại Việt Nam; với lối hàng container thông qua của mỗi hãng là 5.000 – 7.000 TEU/năm. Gemadept chiếm khoảng 20% thò phần so với cải nòic trong lĩnh vực này.
- Về Nại lý Tàu biển (Shipping Agency), Gemadept nằm trong nhóm những doanh nghiệp có lối hàng nàu. Trong lĩnh vực này, nếu tính về tài trọng (khối lối hàng hàng hóa) Công ty chiếm hơn 40% so với Tp Hồ Chí Minh và 25% so với cải nòic (khoảng 450 lối tàu/năm).
- Nối với Nại lý Giao nhận (Forwarding Agency), những hãng tàu mà Gemadept làm nại lý chiếm khoảng 15 – 20% thò phần so với cải nòic. Ngoài ra Gemadept còn có thể mành về vận chuyển siêu trọng siêu trọng.

b. Nối thi cainh tranh:

- Trong lĩnh vực khai thác Cảng, nội thị trường tranh chính của Gemadept là các công ty container khai thác hàng container trên nhà bán Tp Hồ Chí Minh. Nội là Công ty Tân Cảng Sài Gòn với Tân Cảng, Công ty liên doanh Phát triển tiếp vận số 1 (FLDC) với Cảng Container quốc tế (VICT) và một số công ty khác. Các cảng thuộc những Công ty này là cảng sông nên tàu có thể cập trực tiếp vào cảng, tiết kiệm một chi phí trung chuyển so với Cảng Phước Long của Gemadept; trong số nội Tân Cảng và cảng VICT là nội thị trường tranh lớn nhất hiện nay. Tân Cảng do có lợi thế về nhà bến, hai tầng có số nhiều kiến kinh doanh và chủ yếu là làm hàng container nên đạt một sản lượng cao (340.000 TEU năm 2000).

Cảng VICT là cảng container liên doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp miền Nam và Mitorient Enterprise – Singapore một nội thành lập (11/1998). Cảng với trang thiết bị hiện đại tuy nhiên có vị trí và nội giao thông không thuận tiện. Một sản lượng năm 2000 khoảng 127.000 TEU (hơn 1/2 sản lượng của ICD Phước Long).

Bảng 3: So sánh Cảng Phước Long với các nội thị trường tranh

TT	Chỉ tiêu/ Nội và tính	Tân Cảng	Phước Long	VICT	Bến Nghé
1	Diện tích bãi, m ²	195.000	165.000	160.000	100.000
2	Diện tích kho CFS, m ²	22.400	10.000	4.430	5.000
3	Nhiệm tiếp lạnh, niêm	288	120	72	60
4	Công suất, TEU	400.000	250.000	200.000	140.000
5	Sản lượng năm 2000, TEU	340.000	240.000	127.000	100.000
6	Doanh thu năm 2000, triệu VNĐ	340.000	251.969	120.240	27.000
7	Đôi kiến tầng diện tích bãi, m ²		50.000	36.000	

- Trong hoạt nội hải lý và nội giới hàng hải, nội thị trường tranh là các nội vận Vietfracht, Vinatrans và Transimex. Các doanh nghiệp này có lợi thế tranh là năng lực hải lý cho nội hàng tàu, tuy nhiên Gemadept vẫn chiếm ưu thế về sản lượng hàng tàu mà Công ty làm nội lý (khoảng 1/3 các hàng tàu năng hoạt nội hải Việt Nam: Hanjin, Yangming v.v...).
- Nội với lĩnh vực vận chuyển thủy bộ (chủ yếu là vận chuyển hàng siêu trọng siêu trọng), Gemadept hầu như không gặp nội thị trường tranh trong ngành mà chỉ là nội vận ngoài ngành (các Công ty vận tải thuộc Bộ Giao thông vận tải).
- Trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển hàng hóa, nội thị trường tranh chủ yếu là Safi, Vinatrans, Sotrans, Vietfracht, Inlaco. Đây là những doanh nghiệp làm lĩnh vực giao nhận hàng hóa (forwarding) làm hoạt nội chính và nội nguồn thu chủ yếu từ các hoạt nội này. Gemadept cung cấp các dịch vụ trọn gói nên có nội nhiều lợi thế hơn các nội vận này.

5.2. Giải trừ dích vui qua các năm

Bảng 4: *Giải trừ dích vui năm 1999 - 2001 (6 tháng)*

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu doanh thu	1999	2000	2001 (6 tháng)
1	Boóc xếp khai thác bãi	217.347.296.545	252.645.409.179	159.875.451.507
2	Ñại lý vận tải Container	41.756.794.312	49.889.393.997	25.188.438.548
3	Vận chuyển thủy boi	22.886.970.142	32.233.753.012	14.589.005.612
4	Ñại lý Tàu biển	4.567.029.063	3.730.582.433	2.294.348.204
5	Ñại lý Giao nhận	1.421.819.093	1.977.864.960	608.725.012
	Tổng cộng doanh thu	287.979.909.155	340.477.003.581	202.555.968.883

5.3. Chung loại và chất lượng dích vui

a. Chung loại dích vui:

- Dích vui kho bãi chiếm 22,3%; Boóc xếp chiếm 22,3% và vận chuyển tại container bằng ñông thủy (midstream) chiếm 29,6% tổng doanh thu năm 2000;
- Ñại lý vận tải Container (Liner Agency), chiếm 14,7% tổng doanh thu năm 2000;
- Vận chuyển thủy boi chiếm 9,4% tổng doanh thu năm 2000;
- Ñại lý Tàu biển (Shipping Agency), chiếm 1,1% tổng doanh thu năm 2000;
- Và Ñại lý Giao nhận (Forwarding Agency) chiếm 0,6% tổng doanh thu năm 2000.

b. Chất lượng dích vui:

- Hiện nay Công ty ñang thực hiện quản lý toàn boi quy trình cung cấp dích vui theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9002. Với hệ thống quản lý này, chất lượng dích vui của Công ty ngày càng ổn ñịnh và ñáp ñng ñộc ñiều kiện yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5.4. Chi phí sản xuất

- Trong năm 2000, tỷ lệ giữa giải vơn hàng bán trên doanh thu thuần của Gemadept là 66,3%, thấp hơn các doanh nghiệp cùng ngành khoảng 15 – 20%.

5.5. Hoạt ñộng marketing

Cung với công tác quản lý chất lượng, Gemadept cũng hết sức quan tâm ñến hoạt ñộng Marketing. Mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty ñều coi boi phần Marketing ñể chăm sóc khách hàng; tiếp cận lợi ích khách hàng mới và khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dích vui của Công ty. Các Trưởng phòng ban coi trách nhiệm ñưa ra phòng ñồng kế hoạch Marketing, ñồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện.

Nhiệm vụ của bộ phận Marketing trong các phòng ban, chi nhánh:

Bộ phận Marketing trong mỗi phòng ban gồm 5 – 10 người tùy theo từng phòng ban của Công ty. Công việc chính của bộ phận này là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm các bước nhỏ sau:

- Xác định khách hàng:
 - § Thúc đẩy nghiên cứu thị trường, giải các xác định tuyển vấn tại mình, yếu của Công ty.
 - § Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thúc đẩy khai thác.
 - § Thông xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các niềm chờ phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.
- Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:
 - § Đan xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ như chi phí, thời gian vận chuyển, cảng biển và những yêu cầu khác biệt về dịch vụ khách hàng cũng như về chi phí.
 - § Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những nội dung chào bán dịch vụ bao gồm các thông tin về nội nhân hàng, cảng đích, nhiều khoản mua bán, chi phí, các phí, ngay cả chi phí, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.
- Chào giải
 - § Nam phân giải với khách hàng khi có sự phân hồi. Xin ý kiến của chủ tàu khi chủ hàng không hài lòng giải đáp.

Chính sách về dịch vụ của Công ty:

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giải cạnh tranh bằng cách:
 - § Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng chính xác và an toàn;
 - § Làm việc ngay từ đầu;
 - § Giao hàng đúng hẹn.
- Nói với khách hàng là nhà sản xuất (chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.
- Nói với khách hàng là các hãng tàu: bám sát thị trường ngoài và danh nhiều chính sách ưu đãi.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Nhằm thúc đẩy tầm quan trọng của hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Từ giữa năm 1999 Gemadept đã ký hợp đồng với SGS Viet Nam – một thành viên của SGS Group (Societe Generale de Surveillance – Thụy Sĩ) nhằm xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9002; Và Công ty đã được cấp giấy chứng nhận vào ngày 22/12/2000. Việc quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002 được áp dụng cho toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp.

Chính sách chất lượng của Gemadept luôn luôn cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu trong thời gian tới nhằm hình thành và phát triển những niềm tin Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do môi trường xuyên quốc gia, nên tạo nên môi trường nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng trong công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và cải tiến qua phát triển sôi động tại các thành viên trong Công ty nhằm bảo đảm tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9002 năm 1994.

5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phong cách luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho khách hàng, Gemadept liên tục tìm kiếm các sản phẩm và tài môi nhằm tăng tính cạnh tranh. Nhiều năm trước thể hiện qua việc Công ty là doanh nghiệp đầu tiên xây dựng và khai thác cảng cạn (ICD), mình đầu tiên tổ chức bộ phận tài môi siêu trọng siêu trọng có thể vận chuyển những thiết bị, cầu kiến công kênh có khối lượng lớn (hàng chục hàng trăm tấn) cho các đối tác công nghiệp nặng. Công ty đã đầu tư trong việc mua các công nghệ và tài môi vào Việt Nam như vận tải bằng phương tiện Midstream, khai thác bãi chứa container rời (Depot), mua bán cho thuê container, container lạnh (Reefer) v.v...

Công ty coi trọng người chuyên gia giỏi về nhiều lĩnh vực, chuyên nghiên cứu công nghệ tìm hiểu và áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào thực tiễn Việt Nam, trong thời gian nghiên cứu và phát triển các dịch vụ theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

5.8. Biểu tượng (logo) của Công ty

Biểu tượng và thông điệp của Công ty đã được đăng ký bảo hộ kiểu dáng.



5.9. Các hợp đồng lớn nâng thóc hiện hoặc hải quốc ký kết

Hiện nay trong lĩnh vực Hải lý vận tải Container (Liner Agency), Gemadept đang làm hải lý cho nhiều hãng tàu lớn có mặt ở Việt Nam. Hầu hết các hãng tàu này là khách hàng lâu năm và có mối quan hệ tốt tại các thị trường với Gemadept. Các hợp đồng quốc ký kết với các hãng tàu này là những giá trị và có giá trị chiếm hơn 80% doanh thu của Hải lý vận tải Container. Ví dụ:

- Hợp đồng làm tổng hải lý cho Hãng tàu HANJIN, là hãng tàu lớn thứ 6 trên thế giới của Hàn Quốc, có cổ phần của nhiều Công ty trong các lĩnh vực hoạt động khác (Korea AirLines v.v...).
- Hợp đồng làm tổng hải lý với SINOKOR, là hãng tàu lớn của Hàn Quốc có mạng lưới hoạt động rộng khắp khu vực Châu Á
- V.v...

Trong hoạt động khai thác cảng Phòng Lũng, Công ty đang thực hiện hợp đồng với các hãng tàu lớn như: P&O NEDLLOYD (Hà Lan), MITSUI O.S.K (Nhật); HANJIN và KMTCC (Hàn Quốc); YANGMING (Hải Lan); UDSC (Ả Rập); KLINE (Nhật); OOCL (Hồng Kông); MISC (Malaysia) v.v...; Chiếm tỷ lệ khoảng hơn 80% tổng doanh thu của nghiệp vụ khai thác cảng (ICD).

Hợp đồng cho thuê kho bãi CFS, chủ yếu là với các nhà xuất nhập khẩu cá phiê nhỏ VOLCAFE của Thụy Sĩ, SUCAFINA của Singapore v.v... giá trị hợp đồng chiếm khoảng 90% doanh thu của hoạt động cho thuê kho CFS.

Hợp đồng về lĩnh vực Hải lý Giao nhận (Forwarding Agency) quốc ký kết với: SCHENKER (Đức) – là công ty giao nhận hàng đầu thế giới; BIRKARI (Đức); SUNILL (Hàn Quốc) v.v... giá trị những hợp đồng này chiếm hơn 85% doanh thu của hoạt động giao nhận.

Về lĩnh vực Hải lý Tàu biển Gemadept làm hải lý cho nhiều hãng tàu hàng rời lớn trên thế giới: YL SUNG (Hàn Quốc), ALLIED MARITIME (Hy Lạp), ODEN DORFF CARRIER (Đức) với số lượng tàu khoảng 450 tàu/1 năm

Các hợp đồng vận chuyển siêu trọng siêu trọng: Nhà máy nhiệt Phú Mỹ Xi măng Nghi Sơn, Nhà máy khí Dinh Cố (Vùng tàu), Thủy điện Na Mi – Hàm Thuận v.v... Giá trị các hợp đồng này chiếm hơn 95% trên doanh thu của hoạt động vận chuyển thủy bộ

Các điều khoản trong các hợp đồng nội trên với những nội tại nước ngoài thông thường có những điểm chính như sau:

- Công ty Gemadept làm tổng đại lý (thay mặt cho người ủy thác toàn quyền giải quyết mọi vấn đề có liên quan) cho các nội tại nước ngoài.
 - Nội dung nhiều chính của hợp đồng: là các loại dịch vụ mà Gemadept cung cấp cho khách hàng theo quy định của pháp luật.
 - Trách nhiệm: các bên có liên quan thực hiện những điều khoản nội dung quy định trong hợp đồng nhằm gia tăng chất lượng cũng như sản lượng của dịch vụ.
 - Thanh toán và chia lợi nhuận: mỗi phí nước ngoài sẽ tùy theo từng loại hình dịch vụ.
 - § Nội vụ tại Container sẽ có mức phí từ 2,5 – 4,5% trên giá cước vận chuyển.
 - § Nội vụ Giao nhận hàng hóa thì Gemadept hưởng 50%, nội tại hưởng 50%.
 - Phòng thời thanh toán
 - § **Khách hàng là các nhà xuất nhập khẩu:** sau tổng lợi hàng hoặc tổng chuyển, tổng thời điểm hai bên làm bảng chiết tính và nước thanh toán qua ngân hàng.
 - § **Khách hàng là các hãng tàu:** hai bên cùng thực hiện thanh toán theo hình thức lập sổ theo dõi (open account) sau nửa tháng hoặc 1 tháng.
 - Thời hạn hợp đồng: do tính chất của loại hình dịch vụ là xảy ra thông xuyên và liên tục do nội dung của các hợp đồng nội vụ nước ngoài theo dạng tối thiểu gia hạn và kết thúc khi một trong hai bên thông báo cho nhau trước 60 – 90 ngày.
 - Luật nhiều chính hợp đồng nước ngoài hai bên thỏa thuận, có thể theo luật Việt Nam, luật của nước bên nội tại hoặc của bên thời 3 tùy theo từng trường hợp cụ thể
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất
- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 5: Kết quả hoạt động kinh doanh 1999 – 2001 (6 tháng)

Đơn vị: ngàn VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	1999	2000	2001 (6 tháng)
1	Tổng giá trị tài sản	326.836.953	378.077.687	397.403.016
2	Doanh thu thuần	287.979.909	340.477.004	202.555.969
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	104.675.217	97.295.615	63.673.442
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	17.930.886	5.018.116	2.096.596
5	Lợi nhuận bất thường	9.150.055	180.171	(2.621.276)
6	Lợi nhuận trước thuế	131.756.157	102.493.902	63.148.732
7	Lợi nhuận sau thuế	85.973.753	68.468.015	43.564.755
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30,9%	46,7%	42,7%

- Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

§ Doanh thu của Gemadept năm 2000 đạt 340,5 tỷ VNĐ tăng hơn 18% so với năm 1999. Nguyên nhân làm tăng doanh thu là do việc đầu tư môi trường (cuối năm 1999) và đầu tư môi trường (đầu năm 2000) đầy chuyển vốn tại xếp dầu tại – Midstream – Cảng Phước Long – ICD Phước Long của Công ty nhằm nâng cao lợi ích bóc xếp và làm gia tăng sản lượng hàng hóa qua Cảng (ICD) Phước Long.

§ Lợi nhuận sau thuế của năm 2000 là 68,5 tỷ giảm 20% so với năm 1999. Nguyên nhân chính của việc giảm lợi nhuận này là do lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2000 giảm. Năm 1999, do Công ty thực hiện xử lý việc tồn đọng chênh lệch tỷ giá của các năm trước nên làm lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng cao. Ngoài ra do việc đầu tư thêm về máy móc thiết bị cũng nhờ do có sự cạnh tranh mạnh về giá cả cung cấp dịch vụ, nên giá vốn hàng bán tăng. Nhiều năm cũng góp phần làm lợi nhuận của Công ty tăng cao so với doanh thu.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Trong lĩnh vực bóc xếp khai thác kho bãi, Cảng (ICD) Phước Long của Gemadept nằm ở sản lượng hàng hóa 2 ôi khu vực Tp Hồ Chí Minh và 3 trong cả nước. Nói với các loại hình dịch vụ khác như: Bãi lý vận tại Container; Bãi lý Tàu biển v.v... Gemadept thuộc nhóm các doanh nghiệp hàng đầu.

- Chiến lược kinh doanh hiện nay của Gemadept là đa dạng hóa các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại hóa, phù hợp với xu thế của thị trường trong nước, quốc tế cũng như quy hoạch phát triển của ngành hàng hải.

Việc xây dựng và khai thác Cảng (ICD) Phước Long kết hợp với bóc xếp và chuyển tại container bằng sự lan tỏa mô hình kinh tế và phù hợp với mô hình nhiều sông ngòi ở Việt Nam. Mô hình này cũng thể hiện rõ sự phù hợp với chuỗi công nghiệp của Nhà nước và xu thế chung của thế giới là mở Cảng và hải quan về gần với nhà xuất nhập khẩu, giảm áp lực hàng hóa ở các cảng trung tâm và tránh ã tắc giao thông trong thành phố.

Ngoài ra việc đầu tư các thiết bị chôn hàng siêu trọng siêu trọng của Gemadept cũng thể hiện sớm năm bắt kịp thời và phù hợp nhu cầu của thị trường trong bối cảnh các đối ảnh, công trình công nghiệp nâng cao tiện trình công nghiệp hóa của đất nước ngày càng nhiều.

8. Chính sách đối với người lao động

- Các cán bộ công nhân viên đang làm việc cho các doanh nghiệp khác theo chế độ hợp đồng lao động hoặc các viên chức Nhà nước, khi chuyển sang làm việc cho Công ty Cổ

phần Nại lyi Liên hiệp Vain chuyên se ñoïc tuyền dưng theo Luật Lao ñoing mañ Nhai ñoïc ñai quy ñinh. Moii công ñain lam viec cho Công ty Coi phan Nại lyi Liên hiệp Vain chuyên theo chei ñoi hoip ñoing lao ñoing ñeu ñoïc hoing caic chei ñoi ño baio hieim xai hoii, baio hieim y teiv.v... theo chei ñoi hieim hanh.

- Ngooi lao ñoing trong Công ty Coi phan Nại lyi Liên hiệp Vain chuyên, ngoai caic quyên loii ñoïc quy ñinh boi Luật Lao ñoing, con ñoïc hoing moii soi quyên loii khai ño ñoïc ou tien mua trai phieu vai caic loai coi phieu của Công ty. Moii ñoi ñu ñai tuy thuoc vai moii ñoi ñoing goip của ban than ngooi lao ñoing cho Công ty vai ño NHCÑ quy ñinh.
- Ngoai ra Công ty luon luon tao ñieu kien vai khuyên khich ngooi lao ñoing hoic tap nang cao kien thoic chuyên moñ nghiep vui ñe công taic ñait hieu quaic cao.
- Gemadept coi chính sach khen thoing xoing ñaing ñoi voi cai ñain coi công lao ñoing goip, coi sang kien giai phap ve kinh te kyi thuaic ñoing thoii coi bieñ phap xoi phait, kyi luait ñoi voi ñoing cai ñain coi hanh ñoing anh hoing xau ñeñ Công ty.

9. Chính sách coi tõi

- Công ty se chi trai coi tõi cho caic coi ñoing khi kinh doanh coi lai vai ñai hoan thanh caic nghóa vui ñoip thuaic caic nghóa vui tai chính khai theo quy ñinh của phap luait.
- Coi ñoing se ñoïc chia coi tõi theo phan von goip vai tuy theo ñaic ñieim tình hình kinh doanh cho pheip Hoii ñoing Quain trò coi thei tam oing coi tõi cho caic coi ñoing theo tổng thoii gian moii 06 tháng moii lai.
- Tyi lei coi tõi se ñoïc Nại hoii ñoing Coi ñoing quyêt ñinh ñoia trên cô soi ñeñ xuat của Hoii ñoing Quain trò, voi cai coi lai ket qua hoit ñoing kinh doanh của ñaim hoit ñoing vai phoong an hoit ñoing kinh doanh của caic ñaim toi.
- Tat cai tien lai (coi tõi) ñeu coi ñoing khoing ñain sau 01 ñaim ket toi ngay trai lai, Hoii ñoing Quain trò se cho tat cai soi lai ñoi vai quyic của Công ty sau khi coi cai ño ñai ñai ñui

Bang 6: Tình hình chia coi tõi toi 1999 – 2001 (6 tháng)

TT	CHẾ TIÊU	1999	2000	2001 (6 tháng)
1	Moic trai coi tõi, ngan VNÑ	26.515.416	31.967.760	18.622.800
2	Tyi lei coi tõi	427,14% ⁽²⁾	514,98% ⁽²⁾	12,55%
3	Tyi lei loii nhuan rong dung chi trai coi tõi	30,9%	46,7%	42,7%

10. Tình hình hoit ñoing tai chính

- Caic chế tiêu tai chính

⁽²⁾ ñaim 1999, 2000, tyi lei coi tõi tính theo von ñieu lei lai 6.207.600.000 VNÑ.

Bảng 7: Các chỉ tiêu năng suất hình kinh doanh

CHỈ TIÊU	1999	2000	2001 (6 tháng)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLN/Nội ngắn hạn	1,64	1,97	2,41
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLN – Hàng tồn kho)/Nội ngắn hạn	1,64	1,96	2,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nội/Tổng tài sản	0,46	0,42	0,38
- Hệ số Nội/Vốn chủ sở hữu	0,86	0,73	0,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá trị hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	91,39	53,48
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,88	0,90	0,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	29,9%	20,1%	21,5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	49,1%	31,3%	16,8%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	30,3%	28,6%	30,9%

- Giải trừ tài sản cố định (TSCĐ) xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn tích lũy. Trước năm 2000, việc trích khấu hao TSCĐ do Công ty thực hiện theo quyết định số 1062/TC/QĐ/CSTC ngày 14/11/1996 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Từ năm 2000 trở lại Công ty trích khấu hao theo quyết định 166/1999/QĐ/BTC ngày 30/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Mức lương bình quân của CBCNV Công ty là 2.300.000 VNĐ/người/tháng.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (thuế): Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước.
- Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và nhiều lệ của Công ty cụ thể là:
 - § Quỹ tập trung: dùng để bổ sung vốn nhiều lẻ hoặc dùng để đối trừ cho năm tài chính sau;
 - § Quỹ khen thưởng và phúc lợi: mức trích khoảng 5% lợi nhuận hàng năm;
 - § Quỹ bảo tồn vốn và phát triển sản xuất;
 - § Quỹ khuyến khích sản xuất và khuyến mãi khách hàng;
 - § Quỹ Hội đồng Quản trị;
 - § Quỹ nhân đạo;

§ Quyidội phong thấ nghiệp;

§ Quyidội hoitróichính sách, ñoing góip tóithiein xai hoĩ.

Tyilei trích laip caic quyitrein ñoõic Hoĩ ñoing Quain trò quyett ñoõnh tóõng nam vai trính Ñai hoĩ ñoing Coi ñoing thóõng niein pheiduyett.

11. Danh sách HÑQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám ñoic vai ñoõing nhai ñieui hanh

Thanh viein Hoĩ ñoing Quain trò

1. Ông Ñinh Ngoic Viein – Chui tóich Hoĩ ñoing Quain trò

§ Soĩ coĩ phain nam gióõ : 31.000 coĩ phieu (0,1550%)

§ Gióõ tính : Nam

§ Ngay sinh : 28-01-1939

§ Quoc tóich : Viet Nam

§ Dan toic : Kinh

§ Ñoia chẽ thóõng trui : soĩ 5, ngoi 93 Phoi Lyi Nam Ñeĩ Hoan Kieim, Hai Noĩ

§ Trính ñoĩ vai hoĩ : 10/10

§ Trính ñoĩ chuein moĩn : Phoi Giab so – Tiein so Kinh teĩ vai tai biein

Quai trính coing taic

§ 1967 – 1984 : Cain boĩ giang day, Phoi Chui nhieim khoa Ñai hoic Hang hai

§ 1985 – 1989 : Phoi Toing cuic tróõng Toing cuic ñoõng biein

§ 1989 – 1992 : Phoi Toing Giain ñoic Liein hieip Hang hai Viet Nam

§ 1992 – 1993 : Cuic phoi Cuic Hang hai Viet Nam

§ 1993 – 1995 : Cuic tróõng Cuic Hang hai Viet Nam

§ 1995 – nay : Chui tóich Hoĩ ñoing Quain trò Toing Coing ty Hang hai Viet Nam. Chui tóich Hoĩ ñoing Quain trò Coing ty Gemadept.

Nhoing ngoõõi coi liein quan : khoing

Caic quyett loĩ mau thuaĩ voi loĩ ich Coing ty: khoing

2. Ông Ñoi Van Nhan – Phoi Chui tóich Hoĩ ñoing Quain trò

§ Soĩ coĩ phain nam gióõ : 272.350 coĩ phieu (1,3618%)

§ Gióõ tính : Nam

§ Ngay sinh : 31-07-1957

§ Quoc tóich : Viet Nam

- § Dân tộc : Kinh
- § Nhà chế thông trui : 226/38 Lê Văn Sô, Tân Bình, Tp HCM
- § Trình nội vấn học : 10/10
- § Trình nội chuyên môn: Có nhân ngoại ngữ: Nại ly hàng hải

Qua trình công tác

- § Trớc năm 1989 : công tác tại Công ty Nại ly Tàu biển Nại Naing
- § 1989 – 1993 : Phối Giám đốc Công ty Gemartrans
- § 1993 – 1996 : Giám đốc Công ty Gemadept
- § 1996 – 2000 : Giám đốc Công ty Gemartrans
- § 2000 đến nay : Phối Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines), Giám đốc Công ty Gemartrans. Phối Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Gemadept (nại diện có năng Nhân nước)

Những người có liên quan

- § Vợ : Huỳnh Thò Ali Van
- § Số có phần nắm giữ : 86.700 có phiếu (0,4335%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

3. Ông Phạm Tiến Tành – Thành viên Hội đồng Quản trị

- § Số có phần nắm giữ : 215.575 có phiếu (1,0779%)
- § Giới tính : Nam
- § Ngày sinh : 07-09-1959
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Nhà chế thông trui : 6 lô E2 – Cò xài 30/4, phường 25, Bình Thạnh, Tp HCM
- § Trình nội vấn học : 10/10
- § Trình nội chuyên môn: Nại học kinh tế

Qua trình công tác

- § 1983 – 1989 : Phòng Tài chính kế toán – Tổng cục nông biển.
- § 1989 – 1993 : Kế toán trưởng Công ty Gemartrans
- § 1993 – 1995 : Phối Giám đốc Công ty Gemadept
- § 1996 – nay : Giám đốc Công ty Gemadept

Những người có liên quan

- § Con : Phạm Tiến Toàn

§ Số cổ phần nắm giữ : 120.000 cổ phiếu (0,6%)

Các quyền lợi mà thuân với lợi ích Công ty: không

4. Ông Nội Văn Minh – Thành viên Hội đồng Quản trị

§ Số cổ phần nắm giữ : 312.120 cổ phiếu (1,5606%)

§ Giới tính : Nam

§ Ngày sinh : 29-01-1964

§ Quốc tịch : Việt Nam

§ Dân tộc : Kinh

§ Nhà cư trú thường trú : 54/2B Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp HCM

§ Trình nội vụ hóa : 10/10

§ Trình nội chuyên môn: Nồi hơi Hàng hải

Quá trình công tác

§ 1990 – 1991 : Nhân viên khai thác Công ty Gemadept

§ 1991 – 1993 : Trưởng phòng Nồi Lỵ Tàu biển Công ty Gemadept

§ 1993 – 1995 : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Gemadept

§ 1995 đến nay : Phó Giám đốc Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Gemadept

Những người có liên quan

§ Với : Nguyễn Thò Kim Cuic

§ Số cổ phần nắm giữ : 120.000 cổ phiếu (0,6%)

Các quyền lợi mà thuân với lợi ích Công ty: không

5. Ông Nguyễn Quốc Khanh – Thành viên Hội đồng Quản trị

§ Số cổ phần nắm giữ : 105.400 cổ phiếu (0,5270%)

§ Giới tính : Nam

§ Ngày sinh : 08-06-1964

§ Quốc tịch : Việt Nam

§ Dân tộc : Kinh

§ Nhà cư trú thường trú : 398/5 Phan năng Lầu, Phường Nhuan, Tp HCM

§ Trình nội vụ hóa : 12/12

§ Trình nội chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác

§ 1989 – 1993 : Phòng Kinh doanh Công ty Gemartrans

§ 1993 – nay : Tröông Phong Nãi Iyivain tai Container Công ty Gemadept
 Những ngöôi coi lieän quan

§ Vöi : Nguyeän Hoang Toi Nga

§ Soái coi phain nam giöi : 120.000 coi phieu (0,6%)

Cac quyän löi mau thuaän vöi löi ích Công ty: không

6. Ông Phạm Hồng Hải – Thanh viên Hội ñöng Quan trò

§ Soái coi phain nam giöi : 82.659 coi phieu (0,4133%)

§ Giöi tính : Nam

§ Ngay sinh : 15-04-1964

§ Quoc töch : Viet Nam

§ Dan töc : Kinh

§ Nöa chæ thöông trui : 6 löi E2 – Cö xai 30/4, phöông 25, Binh Thanh, Tp HCM

§ Trình ñoäi vai hoa : 10/10

§ Trình ñoäi chuyeän möi: Kyisö Cö khí

Quai trình công tac

§ 1987 – 1989 : Cain böi Phong Kyi thuat – Xi nghiep Cöu hoäi vai söä chöa tau
 bien – Xi nghiep Lien hiep truc vöi cöu hoäi

§ 1990 – 1992 : Nhân viên phong Khai thac caäng Công ty Gemartrans

§ 1993 – 2001 : Tröông phong Khai thac caäng Công ty Gemadept

§ Hieän nay : Tröông phui traich böi phain khai thac caäng (Tai Caäng), phoi
 phui traich ICD Phöôc Long Công ty Gemadept

Những ngöôi coi lieän quan : không

Cac quyän löi mau thuaän vöi löi ích Công ty: không

7. Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Thanh viên Hội ñöng Quan trò

§ Soái coi phain nam giöi : 4.875 coi phieu (0,0244%)

§ Giöi tính : Nöi

§ Ngay sinh : 30-01-1967

§ Quoc töch : Viet Nam

§ Dan töc : Kinh

§ Nöa chæ thöông trui : Nha söi 10, ñöông 9 Hoang Hoa Thaim, Tai Binh, Tp HCM

§ Trình ñoäi vai hoa : 12/12

§ Trình ñoäi chuyeän möi: Nãi hoäi Ngoai göi Keä toan

Qua trình công tác

- § 1992 – 2000 : Nhân viên phòng Tài vụ Công ty Gemadept
- § 2000 đến nay : Thành viên Hội đồng Quản trị, quyền Trưởng phòng Tài vụ Công ty Gemadept

Những người có liên quan : không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Thành viên Ban Kiểm soát

1- Ông Lê Ngọc Quang – Trưởng Ban kiểm soát

- § Số cổ phần nắm giữ : 103.000 cổ phiếu (0,515%)
- § Giới tính : Nam
- § Ngày sinh : 13-05-1954
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Nơi cư trú thường trú : 3 Bui Ninh Tuy, Bình Thạnh, Tp HCM
- § Trình độ văn hóa : 10/10
- § Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Hàng hải

Qua trình công tác

- § 1983 – 1989 : Cán bộ Cục Hàng hải Việt Nam
- § 1989 – 1996 : Trưởng phòng Chống tội Công ty Gemartrans
- § 1996 đến nay : Trưởng phòng Thông vụ Công ty Gemartrans; Chủ tịch công đoàn; Trưởng Ban kiểm soát Công ty Gemadept

Những người có liên quan

- § Con : Lê Thò Minh Nguyệt
- § Số cổ phần nắm giữ : 48.000 cổ phiếu (0,24%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

2- Ông Trần Văn Thủy – Thành viên Ban Kiểm Soát

- § Số cổ phần nắm giữ : 67.288 cổ phiếu (0,3364%)
- § Giới tính : Nam
- § Ngày sinh : 23-08-1951
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Nơi cư trú thường trú : 12/33 Hoàng Hoa Thám, phường 17, Bình Thạnh, Tp HCM

§ Trình ñoivain hoia : 10/10

§ Trình ñoichuyein moih : Keitoain

Quaitrinh coing taic

§ 1984 – 1989 : Keitoain Giaay

§ 1989 – 1992 : Keitoain Coing ty Gemartrans

§ 1992 – 1995 : Phoi phong Keitoain Coing ty Gemadept

§ 1995 – 1997 : Trooing phong Keitoain Coing ty Gemadept

§ 1998 ñeinh nay : Chuyein viein phong Keitoain, thanh viein Ban kieim soait
Coing ty Gemadept

Nhoing ngooii coiliien quan

§ Voi : Doong Tho Phong

§ Soicoiphain naime gioi : 60.000 coiphieu (0,3%)

Caic quyien loii mau thuaiv voi loii ich Coing ty: khoing

3- Bai Hoang Tuyet Mai – Thanh viein Ban kieim soait

§ Soicoiphain naime gioi : 26.813 coiphieu (0,1341%)

§ Gioii tinh : Noii

§ Ngay sinh : 20-11-1967

§ Quoc toich : Viet Nam

§ Dan toic : Kinh

§ Noia cha thoong trui : 14/3 Tay Son, Noing Na, Hai Noi

§ Trình ñoivain hoia : 10/10

§ Trình ñoichuyein moih: Coinhain Kinh tei

Quaitrinh coing taic

§ 1993 : Coing taic tai Gemadept Tp HCM

§ 1994 ñeinh nay : Keitoain chi nhanh Gemadept Hai Noi

Nhoing ngooii coiliien quan : khoing

Caic quyien loii mau thuaiv voi loii ich Coing ty: khoing

4- Ong Bui Hoiu Anh – Thanh viein Ban kieim soait

§ Soicoiphain naime gioi : 12.000 coiphieu (0,06%)

§ Gioii tinh : Nam

§ Ngay sinh : 16/11/1970

§ Quoc toich : Viet Nam

- § Dân tộc : Kinh
- § Nhà chế thông trui : P.405 khu A2, tập thể XN Myi Chua Boi, Nong Na, Hai Noi
- § Trình ñoi van hoa : 12/12
- § Trình ñoi chuyen moan: Kyiso Kinh te Van tai bien

Quai trình công tác

- § 1992 – 1996 : Nhân viên Công ty Gemadept
- § 1996 – 1999 : Trưởng phòng Khai thác và ñi trưởng Công ty liên doanh khai thác container Việt Nam
- § 1999 ñen nay : Chuyên viên Ban Kế hoạch - ñi tư, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Những người có liên quan

- § Vợ : Nguyễn Thò Hồng Giang
- § Số có phần ñm giới : 36.000 có phiếu (0,18%)

Các quyền lợi ñu thuân với lợi ích Công ty: không

5- Ông Lòu Tôông Giai – Thành viên Ban kiểm soát

- § Số có phần ñm giới : 49.645 có phiếu (0,2482%)
- § Giới tính : Nam
- § Ngày sinh : 22-08-1964
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Nhà chế thông trui : 94/7 Trần Khắc Chân, Q1, Tp HCM
- § Trình ñoi van hoa : 10/10
- § Trình ñoi chuyen moan: Kyiso Kinh te Van tai bien

Quai trình công tác

- § 1990 ñen nay : Công tác tại phòng Tài vụ Công ty Gemartrans. Hiện nay là Trưởng phòng Tài vụ Công ty Gemartrans

Những người có liên quan : không

Các quyền lợi ñu thuân với lợi ích Công ty: không

Thành viên Ban Giám ñi (các thành viên HÑQT kiểm Ban Giám ñi)

1. Ông Phạm Tiến Tôn – Giám ñi ñieu hanh
2. Ông ñoi Van Minh – Phó Giám ñi

12. Tài sản

12.1. Máy móc, thiết bị

Bảng 8: Máy móc thiết bị chính của Công ty phục vụ tại ICD⁽³⁾

TT	Thiết bị	Số lượng (chiếc)
1	Xe nâng PPM (nặng trọng 45 tấn)	7
2	Xe nâng hàng, container rỗng (dòng 24 tấn)	4
3	Cần cầu nối xếp dỡ container tại phao (sức nâng 40 tấn)	10
4	Sàn lan chuyên dùng cho container (36 TEU, tải trọng 1.000 tấn)	33
5	Rô - móc siêu trọng coil the kết nối (120 tấn/chiếc)	5
6	Xe ô tô kéo rô - móc (40 tấn)	10
7	Xe ô tô kéo rô - móc siêu trọng	2

12.2. Kho bãi

Bảng 9: Diện tích kho bãi của Công ty

TT	Kho bãi	Diện tích (m ²)	Sức chứa (TEU)
1	Bãi chứa container coil hàng	70.000	4.500
2	Bãi chứa container rỗng	95.000	10.000
3	Kho thu gom hàng hóa lẻ (CFS)	10.000	300

12.3. Một số tài sản khác

- § Lò nấu xây trui sỏi vôi phong tại nông trại Thành Tín, Quận 1, Tp HCM;
- § Lò nấu xây trui sỏi vôi phong tại nông trại Trông Sơn, Quận Tân Bình, Tp HCM;
- § Lò nấu xây trui sỏi vôi phong tại Vũng Tàu, Cần Thơ;
- § Trui sỏi vôi phong tại Lò Nấu, Hải Nội;
- § Xe du lịch 4 chỗ 12 chỗ các loại;
- § Các trang thiết bị vôi phong.

⁽³⁾ Các máy móc thiết bị này được sử dụng tối đa công suất

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới

Bảng 10: *Điều kiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty*

	2001		2002		2003		2004	
	Chỉ tiêu	% tăng giảm so với năm 2000	Chỉ tiêu	% tăng giảm so với năm 2001	Chỉ tiêu	% tăng giảm so với năm 2002	Chỉ tiêu	% tăng giảm so với năm 2003
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	360	+5.7%	375	+10%	412	+10%	461	+5%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	70	+2,2%	77	+12%	86	+12%	98	+14%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	19,4		20,5		20,9		21,3	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	27,5		32		32,8		33,7	
Tỷ lệ cổ tức (%)	16	-96,9% ⁽⁴⁾	18	+12,5%	20	+11,1%	21	+5%

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng năng lượng ký kết.
- Khai thác triệt để diện tích kho bãi, cầu cảng container, tập trung mỗi phòng tiện và khai thác nội địa mạnh hoạt động của ICD Phước Long tạo nên nhiều kiến phát triển cho các loại hình dịch vụ khác.
Xây dựng các phòng an ninh tổ, cải tạo sửa chữa nâng cấp cơ sở hai tầng nâng thời thực hiện môi trường ICD Phước Long.
- Tăng cường môi trường công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng mới, giới thiệu khách hàng truyền thống, nâng thời giao quyền chủ động kinh doanh cho các phòng ban, chi nhánh. Nội ra chính sách giải các hợp lý nội tạo nên kiến cho các phòng nghiệp vụ gia tăng sản lượng và doanh thu một cách có hiệu quả
- Áp dụng triệt để qui trình quản lý chất lượng ISO 9002 nên nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thông xuyên chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy quản lý nên hành. Tổ chức huấn luyện nâng tạo nội người cần bồi nhân viên có năng lực chuyên môn, nghiệp

⁽⁴⁾ Tỷ lệ cổ tức năm 2000 tính theo vốn nên lệ là 6.207.600.000 VNĐ; tỷ lệ cổ tức đổi tính năm 2001 tính theo vốn nên lệ là 178.055.650.000 VNĐ.

vui, am hiểu kinh doanh, coi khai thác hoàn thành tốt công việc và trung thành với lợi ích của Công ty.

- Báo toán tích lũy và phát triển nguồn vốn kinh doanh; tiết kiệm, giảm chi phí tối đa.
- Nếu tổ mua sắm thêm phòng tiện vận tải phục vụ kinh doanh:
 - § Xe chõ container: 10 tỷ VNĐ;
 - § Xe nâng: 5 tỷ VNĐ.
- Nâng cấp trang thiết bị vận phòng, hệ thống máy tính của Công ty.

14.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn

- Nâng hạng nghề nghiệp kinh doanh phù hợp hướng phát triển của ngành, của Nhà nước và của khu vực.
 - Nếu tổ cải tạo sửa chữa hệ thống kho bãi, nông nghiệp, hệ thống nhiên liệu phòng cháy chữa cháy, vận phòng làm việc. Mua sắm trang thiết bị phòng tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Cui thế lại
 - § Xe siêu trọng siêu trọng: 36 tỷ VNĐ;
 - § Xe xếp dỡ container loại lớn: 21 tỷ VNĐ;
 - § Các thiết bị khác: 4,5 tỷ VNĐ.
 - Thực hiện dời an môi trường ICD Phước Long: tăng diện tích lên 50.000 m², năng suất lên 20% với tổng số vốn đầu tư là 30 tỷ VNĐ và thời gian kéo dài đến năm 2005.
 - Xây dựng cao ốc vận phòng, trụ sở làm việc tại khu đất số 6 – 8 Lê Thành Tín, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh với tổng số vốn đầu tư dự kiến là 50 tỷ VNĐ.
 - Đào tạo cán bộ nghiệp vụ, nâng cao tay nghề phục vụ hoạt động kinh doanh.
 - Hoàn thiện và nâng cao hơn nữa khả năng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà coi thể ảnh hưởng đến giải quyết khiếu nại phát hành
- Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà coi thể ảnh hưởng đến giải quyết khiếu nại phát hành: không có

VIII. PHỤ LỤC

1. Danh mục nhà chế nội cung cấp Bản cái bạch.
2. Tóm tắt nội dung tài chính và hoạt động.
3. Báo cáo kiểm toán năm 1999, 2000, 6 tháng năm 2001.

TP. HCM, ngày tháng năm 2001

CÔNG TY CỔ PHẦN
NĂI LY LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI NÔNG QUẢN TRÒ

PGS – TS NINH NGỌC VIỆN

CÁC THÀNH VIÊN HỘI NÔNG QUẢN TRÒ:

Ông Nôi Văn Nhân :

Ông Phạm Tiến Tồn :

Ông Nôi Văn Minh :

Ông Nguyễn Quốc Khanh :

Ông Phạm Hồng Hải :

Bà Nguyễn Minh Nguyệt :

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT:

Ông Lê Ngọc Quang :

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NHÀ NIÊM CÔNG TY CÔNG BỐ BÁN CÁO BẠCH

1. Văn phòng Công ty Cổ phần Nại Liên Hiệp Văn chuyên (Gemadept)
 - q 35 Nguyễn Huệ tầng 15 Harbour View Tower, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (84.8) 8214 394 Fax: (84.8) 8215 189
 - q 211 Nguyễn Văn Trãi, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (84.8) 8420 842 Fax: (84.8) 8451 340
Email: gmdhcm@hcm.vnn.vn

2. Chi nhánh Gemadept tại Hải Nội
 - q 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hải Nội
Số điện thoại: (84.4) 8519 524 Fax: (84.4) 8519 328
Email: gmthn@hn.vnn.vn

3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
 - q Lầu 1, 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (84.8) 8218 567 Fax: (84.8) 8294 123
E-mail: ssi@saigonsecurities.com Website: www.saigonsecurities.com